

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **12488** /BTC-KBNNHà Nội, ngày **08** tháng **9** năm **2016**V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định về Báo cáo TCNN

SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI	
Số:.....	3.05.T.V
ĐẾN Ngày:.....	12/9/16
Chuyển:	

Kính gửi: **Sở Tài chính Đồng Nai**

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016, căn cứ quy định của Điều 30 Luật Kế toán năm 2015, Bộ Tài chính đã phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Quý Bộ, Quý Đơn vị dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định của Chính phủ về báo cáo tài chính nhà nước và các tài liệu liên quan (kèm theo công văn này). Đề nghị Quý Bộ, Quý Đơn vị tham gia ý kiến và gửi về Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước - số 32, Cát Linh, Hà Nội) trước ngày **29 / 9 / 2016** để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ, Quý Đơn vị!

Nơi nhận: *kh*

- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, KBNN (100).



Số: /TTr - BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định về báo cáo tài chính Nhà nước

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016, căn cứ quy định của Điều 30 Luật kế toán 2015, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định của Chính phủ về báo cáo tài chính nhà nước

- Ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Tại Điều 30 Luật Kế toán quy định về báo cáo tài chính nhà nước, và giao cho Chính phủ quy định cụ thể về nội dung báo cáo tài chính nhà nước; việc tổ chức thực hiện lập, công khai báo cáo tài chính nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước.

- Về thời hạn thực hiện, Điều 73 Luật Kế toán quy định “Chính phủ chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bắt đầu việc lập báo cáo tài chính nhà nước theo quy định tại Điều 30 của Luật này chậm nhất là 24 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực.”

- Trong quá trình xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, căn cứ đề xuất của Bộ Tài chính (Công văn số 8108/BTC-PC ngày 14/6/2016 về việc bổ sung, điều chỉnh chương trình công tác của Chính phủ năm 2016), Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 5174/VPCP-KTTH ngày 24/6/2016 về việc điều chỉnh chương trình công tác của Chính phủ năm 2016, trong đó yêu cầu thời hạn Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước là tháng 12/2016.

Từ tình hình nêu trên, Bộ Tài chính thấy rằng việc soạn thảo trình Chính phủ ban hành Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước là cần thiết, nhằm cụ thể hóa và hướng dẫn Luật Kế toán, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện

II. Quá trình xây dựng Nghị định

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016, Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ xây dựng Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước. Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định với các thành viên là đại diện Bộ Tài chính và một số bộ, ngành liên quan như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế.

Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã khẩn trương tập trung nghiên cứu, thảo luận, xây dựng nội dung dự thảo Nghị định; thực hiện đầy đủ các bước theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: gửi văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã chỉ đạo KBNN tổ chức khảo sát, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về việc lập báo cáo tài chính nhà nước và đúc rút các bài học cần thiết cho Việt Nam, vì đây là một nội dung mới trong quản lý tài chính nhà nước (báo cáo kinh nghiệm quốc tế đính kèm).

Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã tiếp thu, điều chỉnh nội dung dự thảo Nghị định. Một số nội dung khác, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ tại phần V (đối với ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương) và phần VI (đối với ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp) của tờ trình này.

III. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Dự thảo Nghị định được xây dựng căn cứ vào hệ thống văn bản pháp luật hiện hành, đảm bảo phù hợp với quy định của Hiến pháp, Luật Kế toán năm 2015 và Luật khác có liên quan khác, đồng thời kế thừa và phát triển những mặt tích cực trong công tác kế toán nhà nước

- Xây dựng báo cáo tài chính nhà nước phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực tài chính của Nhà nước.

- Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về thông tin báo cáo tài chính nhà nước, vận dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, đảm bảo chế độ kế toán và chế độ báo cáo kế toán từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

IV. Bố cục, nội dung chủ yếu của Nghị định

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 5 Chương và 24 Điều, cụ thể như sau:

Chương I- Quy định chung, gồm 5 điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích thuật ngữ, mục đích và yêu cầu của báo cáo tài chính nhà nước, danh mục báo cáo tài chính nhà nước.

Chương II- Nội dung báo cáo tài chính nhà nước, gồm 4 điều quy định về nội dung báo cáo tình hình tài chính nhà nước, báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

Chương III- Lập, công khai báo cáo tài chính nhà nước, gồm 7 điều quy định về thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước, quy trình lập và gửi báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, quy trình lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, quy trình lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, kỳ lập báo cáo tài chính nhà nước, công khai báo cáo tài chính nhà nước, lưu trữ báo cáo tài chính nhà nước.

Chương IV- Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc lập báo cáo tài chính nhà nước, gồm 6 điều quy định về, trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước, trách nhiệm cung cấp thông tin để lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, trách nhiệm cung cấp thông tin để lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, trách nhiệm cung cấp thông tin để lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, kiểm tra việc lập báo cáo tài chính nhà nước, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin tài chính nhà nước.

Chương V- Điều khoản thi hành, gồm 2 điều quy định hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định.

2. Về một số nội dung cơ bản của Nghị định

2.1. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

Nội dung của báo cáo tài chính nhà nước bao gồm các thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương, bao gồm: tài sản nhà nước; nợ công và các khoản phải trả khác của Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước; tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước; tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước. Vì vậy, đối tượng áp dụng của Nghị định là các đơn vị lập báo cáo, các đơn vị cung cấp thông tin để lập báo cáo và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Cụ thể như sau:

- Các đơn vị có nhiệm vụ lập báo cáo tài chính nhà nước, bao gồm: Kho bạc nhà nước và Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh).

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước: Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước các cấp; Cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước các cấp; Cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước; Cơ quan, tổ chức quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước; Đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2.2. Về danh mục báo cáo tài chính nhà nước (Điều 5)

Theo quy định của Luật Kế toán 2015, việc lập báo cáo tài chính nhà nước được thực hiện trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương và bao gồm 4 báo cáo: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định về danh mục báo cáo tài chính nhà nước như sau:

- Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi toàn quốc, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

- Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh), bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

2.3. Nội dung báo cáo tài chính nhà nước (Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9)

Theo quy định của Luật Kế toán, báo cáo tài chính nhà nước gồm: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước; Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước. Căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam, cùng với việc nghiên cứu chuẩn mực kế toán quốc tế và kinh nghiệm của một số nước, Bộ Tài chính đã dự thảo 4 biểu mẫu báo cáo tài chính nhà nước áp dụng cho phạm vi toàn quốc và 4 biểu mẫu báo cáo tài chính nhà nước áp dụng cho phạm vi tỉnh. Trong đó:

- *Báo cáo tình hình tài chính nhà nước*: là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh toàn bộ thông tin về tài sản nhà nước; nợ và các khoản phải trả khác của Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

- *Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước*: là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình thu nhập, chi phí và chênh lệch giữa thu nhập và chi phí của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh trong kỳ báo cáo.

- *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*: là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động thường xuyên, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền của nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

- *Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước*: được lập để giải thích và bổ sung

thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ của nhà nước trong kỳ báo cáo mà các báo cáo tài chính nhà nước khác không thể trình bày chi tiết. Thuyết minh báo cáo tài chính phản ánh các thông tin chung về tình hình kinh tế, xã hội; thông tin chung về cơ sở, chính sách kế toán áp dụng; thông tin bổ sung, chi tiết về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước.

Để đảm bảo tính pháp lý của các báo cáo này, dự thảo Nghị định theo hướng quy định các biểu mẫu báo cáo này trong phụ lục kèm theo Nghị định.

2.4. Về thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước (Điều 10)

Theo quy định của Luật Kế toán 2015, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước có trách nhiệm lập báo cáo của đơn vị mình và cung cấp thông tin tài chính cần thiết phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương. Dự thảo Nghị định quy định thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước là thông tin trên các báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định. Cụ thể:

- Đối với báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, là thông tin trên các báo cáo sau:
 - + Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc báo cáo tài chính;
 - + Báo cáo thông tin tài chính;
 - + Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện.
- Đối với báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, là thông tin trên các báo cáo sau:
 - + Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc báo cáo tài chính;
 - + Báo cáo thông tin tài chính;
 - + Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

Trong đó, báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện là báo cáo do Khoa bạc Nhà nước huyện lập theo quy trình và biểu mẫu của báo cáo tài chính nhà nước, phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi địa bàn quận, huyện, thị xã (gọi chung là huyện).

2.5. Về quy trình lập, gửi báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc (Điều 11, Điều 12, Điều 13)

Căn cứ quy định của Luật Kế toán 2015 và trên cơ sở quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin đã nêu tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, dự thảo Nghị

định quy định quy trình lập và gửi báo cáo từ khâu tiếp nhận các báo cáo đầu vào, tổng hợp, lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước theo từng cấp đơn vị lập báo cáo tài chính nhà nước.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Kế toán, báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng với thời điểm quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, Bộ Tài chính đã xây dựng thời hạn của báo cáo tài chính nhà nước phù hợp với thời hạn lập và nộp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước của các đơn vị kế toán theo quy định hiện nay để đảm bảo tính khả thi. Cụ thể:

- *Đối với báo cáo tài chính nhà nước tỉnh:* Kho bạc Nhà nước tỉnh lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất 8 tháng sau khi kết thúc năm tài chính; đồng thời gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và báo cáo bổ sung thông tin tài chính cho Kho bạc Nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trước Hội đồng nhân dân chậm nhất là 12 tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

- *Đối với báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc:* Kho bạc Nhà nước lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc trình Chính phủ chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm tài chính; Chính phủ báo cáo Quốc hội chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

Đồng thời, dự thảo Nghị định cũng quy định Bộ Tài chính quy định chi tiết quy trình lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc.

2.6. Về việc công khai báo cáo tài chính nhà nước (Điều 15)

Việc công khai thông tin tài chính là rất quan trọng, theo kinh nghiệm các nước hiện nay, toàn bộ thông tin trên báo cáo tài chính Chính phủ được công khai trên các ấn phẩm và mạng internet. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế của Việt Nam hiện nay mới đang bắt đầu triển khai thực hiện lập báo cáo tài chính nhà nước, việc công khai toàn bộ thông tin trên báo cáo có thể chưa phù hợp. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định theo hướng công khai các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính nhà nước liên quan đến tài sản, công nợ, nguồn vốn, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Nhà nước.

2.7. Về trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước (Điều 17)

Theo quy định của Luật Kế toán 2015, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính nhà nước thuộc phạm vi địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp. Căn cứ vào quy định này, dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm cụ thể của đơn vị lập báo cáo tài chính nhà nước như sau:

- Kho bạc Nhà nước tỉnh lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, trình Ủy ban nhân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời gửi cho Kho bạc Nhà nước để lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc.

- Kho bạc Nhà nước lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội.

Cơ quan tài chính phối hợp với KBNN trong việc cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước với vai trò là cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước và cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước.

2.8. Về trách nhiệm cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước (Điều 18, Điều 19, Điều 20)

Để việc tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước được đầy đủ, kịp thời và phù hợp phụ thuộc rất nhiều vào việc cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị thuộc các lĩnh vực khác nhau thuộc các cấp ngân sách. Vì vậy, để nâng cao trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, đảm bảo cho Kho bạc Nhà nước có đầy đủ thông tin lập báo cáo tài chính nhà nước theo yêu cầu, dự thảo Nghị định đã dự thảo theo hướng quy định các cơ quan, đơn vị thuộc các đối tượng cung cấp thông tin theo từng cấp ngân sách có trách nhiệm lập các báo cáo cần thiết để gửi cho Kho bạc Nhà nước đồng cấp. Điều này cũng góp phần tăng cường tính khả thi, nâng cao chất lượng và đảm bảo tính kịp thời của thông tin báo cáo.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định cụ thể về thời hạn lập và gửi báo cáo của các đơn vị cho Kho bạc Nhà nước các cấp như sau:

- Ngân sách và tài chính xã, đơn vị cấp huyện: trước ngày 30 tháng 4 của năm tài chính tiếp theo;

- Kho bạc Nhà nước huyện, đơn vị cấp tỉnh: trước ngày 30 tháng 6 của năm tài chính tiếp theo;

- Kho bạc Nhà nước tỉnh, đơn vị cấp trung ương: trước ngày 31 tháng 8 của năm tài chính tiếp theo.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định cũng quy định Bộ Tài chính quy định biểu mẫu và hướng dẫn quy trình tổng hợp, lập báo cáo cung cấp thông tin nêu trên để phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước.

2.9. Về hệ thống thông tin tài chính nhà nước (Điều 22)

Để thực hiện quy trình hợp nhất báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị dự toán cấp 1 và các đơn vị cung cấp thông tin khác, cần phải xây dựng hệ thống thông tin về tài chính nhà nước. Trong đó phân loại, xử lý và lưu giữ thông tin theo nhiều chiều, nhiều kỳ, nhiều địa bàn và được mã hóa để có thể chiết xuất dưới các hình thức biểu mẫu khác nhau. Trong khuôn khổ kế hoạch triển khai, Bộ Tài chính dự kiến giao cho Kho bạc Nhà nước xây dựng hệ thống thông tin để

tiếp nhận thông tin đầu vào, và xử lý theo quy trình để tổng hợp thông tin báo cáo. Hệ thống thông tin này sẽ được xây dựng đồng bộ với các ứng dụng khác của ngành tài chính, đảm bảo quản lý, vận hành đồng bộ cơ sở dữ liệu của ngành tài chính.

Từ thực tế nêu trên, Bộ Tài chính dự thảo theo hướng: “Kho bạc Nhà nước tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống thông tin báo cáo tài chính nhà nước, đảm bảo tiếp nhận, xử lý tổng hợp thông tin, lập báo cáo và cung cấp thông tin tài chính nhà nước theo quy định của Nghị định này, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và phù hợp với các ứng dụng thông tin tài chính khác”.

2.10. Về hiệu lực thi hành (Điều 23)

Dự thảo Nghị định quy định hiệu lực thi hành của Nghị định kể từ ngày 01/01/2018. Đồng thời, quy định báo cáo tài chính năm đầu tiên được lập theo số liệu tài chính của năm 2018, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 73 Luật Kế toán 2015.

V. Về ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương

Bộ Tài chính đã có công văn số gửi các Bộ, ngành, địa phương đề nghị tham gia ý kiến vào nội dung dự thảo Nghị định. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung vào nội dung dự thảo Nghị định. Một số nội dung khác, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

(Sẽ tổng hợp sau khi có ý kiến tham gia của các bộ, ngành)

VI. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

(Sẽ tổng hợp sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

.....

Trên đây là những nội dung cơ bản về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về báo cáo tài chính nhà nước. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng CP, các Phó TTg;
- VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Kho bạc Nhà nước.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

Số : /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

NGHỊ ĐỊNH

Về báo cáo tài chính nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nội dung báo cáo tài chính nhà nước; việc tổ chức thực hiện lập, công khai báo cáo tài chính nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị có nhiệm vụ lập báo cáo tài chính nhà nước, bao gồm: Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước, bao gồm:

- a) Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước các cấp;
- b) Cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước các cấp;
- c) Cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng ngân sách Nhà nước;
- d) Cơ quan, tổ chức quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;
- e) Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. *Báo cáo tài chính hợp nhất*: là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính tổng hợp của đơn vị cấp trên và các đơn vị cấp dưới do đơn vị cấp trên quản lý được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

2. *Báo cáo thông tin tài chính*: là báo cáo do các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại khoản 2, Điều 2 lập (ngoài báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của chế độ kế toán), để cung cấp các thông tin phục vụ lập báo cáo tài chính nhà nước, gồm: thông tin về các giao dịch nội bộ; thông tin về thu nhập, chi phí, tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn của nhà nước, các thông tin liên quan khác thuộc phạm vi quản lý.

3. *Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện*: là báo cáo do Kho bạc nhà nước cấp huyện lập, phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi quận, huyện, thị xã (gọi chung là huyện).

Điều 4. Mục đích, yêu cầu của báo cáo tài chính nhà nước

1. Báo cáo tài chính nhà nước cung cấp thông tin kinh tế, tài chính làm căn cứ để phân tích khả năng tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương, đánh giá hiệu quả chi tiêu công và hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách về kinh tế, tài chính, ngân sách.

2. Báo cáo tài chính nhà nước phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, toàn diện về tình hình tài sản nhà nước; nợ công và các khoản phải trả khác của Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo; tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước; tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trong kỳ báo cáo.

Điều 5. Danh mục báo cáo tài chính nhà nước

1. Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi toàn quốc, bao gồm:

- a) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước;
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

2. Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh), bao gồm:

- a) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước;
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

Chương II

NỘI DUNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước

1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước là báo cáo tài chính tổng hợp, dùng để phản ánh toàn bộ thông tin về tài sản nhà nước; nợ và các khoản phải trả khác của Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

2. Nội dung của báo cáo tình hình tài chính nhà nước:

a) Tài sản nhà nước bao gồm toàn bộ tài sản ngắn hạn và dài hạn do nhà nước và các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định này nắm giữ, quản lý và sử dụng: tiền và các khoản tương đương tiền; các khoản phải thu; hàng tồn kho; đầu tư tài chính; cho vay; tài sản kết cấu hạ tầng; bất động sản, nhà xưởng, thiết bị; xây dựng cơ bản dở dang; tài sản cố định vô hình; tài sản khác;

b) Nợ và các khoản phải trả khác của Nhà nước bao gồm toàn bộ các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn mà Nhà nước và các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định này có nghĩa vụ phải trả: nợ phải trả của Chính phủ, nợ phải trả của các chính quyền địa phương, các khoản phải trả khác;

c) Nguồn vốn của Nhà nước bao gồm các quỹ; thặng dư thâm hụt lũy kế từ hoạt động tài chính nhà nước, các khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn nhà nước.

3. Biểu mẫu báo cáo tình hình tài chính nhà nước toàn quốc và tỉnh quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung các chỉ tiêu của biểu mẫu báo cáo tình hình tài chính nhà nước.

Điều 7. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước

1. Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước là báo cáo tài chính tổng hợp, dùng để phản ánh tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh trong kỳ báo cáo.

2. Nội dung báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước:

a) Thu nhập của nhà nước bao gồm doanh thu thuộc ngân sách nhà nước và doanh thu từ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại điểm c, d, e khoản 2, Điều 2 phát sinh trong kỳ báo cáo;

b) Chi phí của nhà nước bao gồm các khoản chi phí từ nguồn ngân sách nhà nước và chi phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại điểm c, d, e khoản 2, Điều 2 phát sinh trong kỳ báo cáo;

c) Kết quả hoạt động tài chính nhà nước là chênh lệch giữa thu nhập và chi phí của Nhà nước trong kỳ báo cáo.

3. Biểu mẫu báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước toàn quốc và tỉnh quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung các chỉ tiêu của biểu mẫu báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước.

Điều 8. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động thường xuyên, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền của nhà nước trên phạm vi toàn quốc hoặc một tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

2. Nội dung báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

a) Luồng tiền từ hoạt động chủ yếu là luồng tiền phát sinh từ các hoạt động thường xuyên của ngân sách nhà nước và các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định này, không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính;

b) Luồng tiền từ hoạt động đầu tư là luồng tiền phát sinh từ các hoạt động mua sắm, xây dựng, thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác, không thuộc các khoản tương đương tiền của ngân sách nhà nước và các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định này;

c) Luồng tiền từ hoạt động tài chính nhà nước là luồng tiền phát sinh từ các hoạt động đi vay, trả nợ vay của các đơn vị thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định này.

3. Biểu mẫu các báo cáo lưu chuyển tiền tệ toàn quốc và tỉnh quy định tại Phụ lục số 03 kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung các chỉ tiêu của biểu mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Điều 9. Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước

1. Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước được lập để giải thích và bổ sung thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trong kỳ báo cáo mà các báo cáo tài chính nhà nước khác không thể trình bày chi tiết.

2. Nội dung thuyết minh báo cáo tài chính:

Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước bao gồm các thông tin chung về tình hình kinh tế, xã hội; thông tin chung về cơ sở, chính sách kế toán áp dụng; thông tin bổ sung, phân tích về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước.

3. Biểu mẫu thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc và tỉnh quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung các chỉ tiêu của biểu mẫu báo

cáo thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

Chương III

LẬP, CÔNG KHAI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước

Thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước là thông tin trên các báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước quy định tại khoản 2, Điều 2.

1. Đối với báo cáo tài chính nhà nước tỉnh:

- a) Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc ngân sách tỉnh;
- b) Báo cáo thông tin tài chính của các đơn vị thuộc ngân sách tỉnh;
- c) Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính nhà nước huyện;
- d) Báo cáo thông tin tài chính huyện.

2. Đối với báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc:

- a) Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc báo cáo tài chính của các đơn vị thuộc ngân sách trung ương;
- b) Báo cáo thông tin tài chính của các đơn vị thuộc ngân sách trung ương;
- c) Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh;
- d) Báo cáo thông tin tài chính tỉnh.

Điều 11. Quy trình lập, gửi báo cáo báo cáo tổng hợp thông tin tài chính nhà nước huyện

1. Kho bạc nhà nước cấp huyện lập và gửi báo cáo theo quy trình sau:

- a) Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin báo cáo của các đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này;
- b) Phối hợp với các đơn vị cung cấp thông tin để hoàn thiện thông tin báo cáo;
- c) Tổng hợp thông tin báo cáo và xử lý các thông tin trùng lặp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;
- d) Lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính nhà nước huyện và báo cáo thông tin tài chính huyện theo biểu mẫu quy định;
- e) Gửi báo cáo tổng hợp thông tin tài chính nhà nước huyện và báo cáo thông tin tài chính huyện cho Kho bạc Nhà nước tỉnh để lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

2. Kho bạc Nhà nước huyện lập, gửi báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

Điều 12. Quy trình lập, gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, báo cáo thông tin tài chính tỉnh

1. Kho bạc Nhà nước tỉnh lập, gửi báo cáo theo quy trình sau:
 - a) Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin báo cáo của các đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này;
 - b) Phối hợp với các đơn vị cung cấp thông tin để hoàn thiện thông tin báo cáo;
 - c) Tổng hợp thông tin báo cáo và xử lý các thông tin trùng lặp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;
 - d) Lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và báo cáo thông tin tài chính tỉnh theo biểu mẫu quy định;
 - e) Trình Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và báo cáo thông tin tài chính tỉnh về Kho bạc Nhà nước để lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc.

2. Thời hạn lập, gửi báo cáo:

- a) Kho bạc Nhà nước tỉnh lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 8 tháng sau khi kết thúc kỳ báo cáo;
- b) Kho bạc Nhà nước tỉnh gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, báo cáo thông tin tài chính nhà nước tỉnh cho Kho bạc Nhà nước theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trước Hội đồng nhân dân chậm nhất là 12 tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

Điều 13. Quy trình lập, gửi báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc

1. Kho bạc Nhà nước lập, gửi báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc theo quy trình sau:

- a) Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin báo cáo của các đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này;
- b) Phối hợp với các đơn vị cung cấp thông tin để hoàn thiện thông tin báo cáo;
- c) Tổng hợp thông tin báo cáo và xử lý các thông tin trùng lặp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;
- d) Lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc theo biểu mẫu quy định;
- e) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội.

2. Kho bạc Nhà nước lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, trình Bộ Tài chính để trình Chính phủ chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Chính phủ báo cáo Quốc hội chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

Điều 14. Kỳ lập báo cáo tài chính nhà nước

Báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc và tỉnh được lập theo kỳ kế toán năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 15. Công khai báo cáo tài chính nhà nước

1. Nội dung công khai:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh công khai các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, bao gồm: tình hình tài sản nhà nước; nợ chính quyền địa phương, các khoản phải trả khác của Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước; tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước; tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước.

b) Bộ Tài chính công khai các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, bao gồm: tình hình tài sản nhà nước; nợ công và các khoản phải trả khác của Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước; tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước; tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước.

2. Hình thức công khai:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và thuyết minh cụ thể một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng trên cổng thông tin điện tử của tỉnh;

b) Bộ Tài chính phát hành ấn phẩm các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính nhà nước và thuyết minh cụ thể một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng trên phạm vi toàn quốc, đăng tải các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính nhà nước và thuyết minh cụ thể một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;

c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn công khai:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh công khai báo cáo tài chính nhà nước tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày báo cáo tài chính nhà nước tỉnh được báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Bộ Tài chính công khai báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc được báo cáo trước Quốc hội.

Điều 16. Lưu trữ báo cáo tài chính nhà nước

1. Thời hạn lưu trữ báo cáo tài chính nhà nước: lưu trữ vĩnh viễn.

2. Kho bạc Nhà nước tổ chức bảo quản, lưu trữ báo cáo tài chính nhà nước dưới dạng thông tin trên giấy hoặc thông điệp dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Điều 17. Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính nhà nước

1. Kho bạc Nhà nước tỉnh lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, trình Ủy ban nhân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi cho Kho bạc Nhà nước để lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc.

2. Kho bạc Nhà nước lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, báo cáo Bộ trưởng Bộ tài chính để trình Chính phủ báo cáo Quốc hội.

Điều 18. Trách nhiệm cung cấp thông tin để lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính nhà nước huyện

1. Đơn vị có nhiệm vụ lập, chịu trách nhiệm về thông tin báo cáo và cung cấp cho Kho bạc Nhà nước huyện để lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện:

a) Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước; cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước cấp huyện cung cấp báo cáo thông tin tài chính;

b) Đơn vị dự toán cấp 1 là các cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng NSNN cấp huyện cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất (hoặc báo cáo tài chính), báo cáo thông tin tài chính;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện không có thông tin được tổng hợp trong báo cáo của các đơn vị quy định tại tiết b, khoản 1 Điều này cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất (hoặc báo cáo tài chính), báo cáo thông tin tài chính;

d) Xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) cung cấp báo cáo tài chính, báo cáo thông tin tài chính.

2. Thời hạn lập và gửi các báo cáo cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này: trước ngày 30 tháng 4 của năm tài chính tiếp theo.

3. Bộ Tài chính quy định biểu mẫu và hướng dẫn quy trình tổng hợp, lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Trách nhiệm cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh

1. Đơn vị có nhiệm vụ lập, chịu trách nhiệm về thông tin báo cáo và cung cấp cho Kho bạc Nhà nước tỉnh để lập báo cáo tài chính nhà nước tỉnh:

a) Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước; cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước cấp tỉnh gửi báo cáo thông tin tài chính;

b) Đơn vị dự toán cấp 1 là các cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng NSNN cấp tỉnh cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất (hoặc báo cáo tài chính), báo cáo thông tin tài chính;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh không có thông tin được tổng hợp trong báo cáo của các đơn vị quy định tại tiết b, khoản 1 Điều này cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất (hoặc báo cáo tài chính), báo cáo thông tin tài chính;

d) Kho bạc Nhà nước huyện cung cấp báo cáo tổng hợp thông tin tài chính nhà nước huyện và báo cáo thông tin tài chính huyện.

2. Thời hạn lập, gửi các báo cáo cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này: trước ngày 30 tháng 6 của năm tài chính tiếp theo.

3. Bộ Tài chính quy định biểu mẫu và hướng dẫn quy trình tổng hợp, lập báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Trách nhiệm cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc

1. Đơn vị có nhiệm vụ lập, chịu trách nhiệm về thông tin báo cáo và cung cấp cho Kho bạc Nhà nước để lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc:

a) Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước; cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước cấp trung ương gửi báo cáo thông tin tài chính;

b) Đơn vị dự toán cấp 1 là các cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng NSNN trung ương cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất (hoặc báo cáo tài chính), báo cáo thông tin tài chính;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập cấp trung ương không có thông tin được tổng hợp trong báo cáo của các đơn vị quy định tại tiết b, khoản 1 Điều này cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất (hoặc báo cáo tài chính), báo cáo thông tin tài chính;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN không có thông tin được tổng hợp trong báo cáo của các đơn vị quy định tại tiết b, khoản 1 Điều này cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất (hoặc báo cáo tài chính), báo cáo thông tin tài chính;

e) Kho bạc Nhà nước tỉnh cung cấp báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và báo cáo thông tin tài chính tỉnh.

2. Thời hạn lập, gửi báo cáo cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này: trước ngày 31 tháng 8 của năm tài chính tiếp theo.

3. Bộ Tài chính quy định biểu mẫu và hướng dẫn quy trình tổng hợp, lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Kiểm tra việc lập báo cáo tài chính nhà nước

1. Bộ Tài chính kiểm tra việc lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc và báo cáo tài chính nhà nước tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 13 Nghị định này.

2. Bộ Tài chính kiểm tra việc cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 Nghị định này.

Điều 22. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin tài chính nhà nước

Kho bạc Nhà nước tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống thông tin báo

cáo tài chính nhà nước, đảm bảo tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin, lập báo cáo và cung cấp thông tin tài chính nhà nước theo quy định của Nghị định này, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và phù hợp với các ứng dụng thông tin tài chính khác.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.
2. Báo cáo tài chính nhà nước đầu tiên được lập theo số liệu tài chính năm 2018.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- Công báo;
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
- các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN: ...

(Ban hành kèm theo Nghị định số
/2016/NĐ-CP ngày /12/2016)

ĐƠN VỊ LẬP: ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

(cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/20X2)

Đơn vị:

TT	Nội dung	Mã số	Thuyết minh	31/12/20X2	31/12/20X1
A.	TÀI SẢN				
I.	Tài sản ngắn hạn	Ia		XXXX	XXXX
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	11a	1	XXX	XXX
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	12a	2	XXX	XXX
3.	Các khoản phải thu	13a	3	XXX	XXX
4.	Hàng tồn kho	14a	4	XXX	XXX
5.	Cho vay ngắn hạn	15a	5	XXX	XXX
6.	Tài sản ngắn hạn khác	16a	6	XXX	XXX
II.	Tài sản dài hạn	IIa		XXXX	XXXX
1.	Tài sản cố định hữu hình	II1a	7	XXX	XXX
1.1.	Tài sản kết cấu hạ tầng	II11a		X	X
	- Đường bộ	II111a		X	X
	+ Nguyên giá	II1111a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1112a		(X)	(X)
	- Đường sắt	II112a		X	X
	+ Nguyên giá	II1121a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1122a		(X)	(X)
	- Đường thủy nội địa	II113a		X	X
	+ Nguyên giá	II1131a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1132a		(X)	(X)
	- Đường hàng hải	II114a		X	X
	+ Nguyên giá	II1141a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1142a		(X)	(X)
	- Đường hàng không	II115a		X	X
	+ Nguyên giá	II1151a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1152a		(X)	(X)
1.2.	Bất động sản, nhà cửa, thiết bị	II12a		X	X
	- Nhà	II121a		X	X
	+ Nguyên giá	II1211a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1212a		(X)	(X)
	- Phương tiện vận tải	II122a		X	X
	+ Nguyên giá	II1221a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1222a		(X)	(X)
	- Khác	II123a		X	X
	+ Nguyên giá	II1231a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II1232a		(X)	(X)
2.	Tài sản cố định vô hình	II2a	8	XXX	XXX
	- Quyền sử dụng đất	II21a		X	X
	+ Nguyên giá	II211a		X	X
	+ Khấu hao lũy kế	II212a		(X)	(X)

TT	Nội dung	Mã số	Thuyết minh	31/12/20X2	31/12/20X1
	- Bản quyền	II22a		X	X
	+ Nguyên giá	II221a		x	x
	+ Khấu hao lũy kế	II222a		(x)	(x)
	- Chương trình phần mềm	II23a		X	X
	+ Nguyên giá	II231a		x	x
	+ Khấu hao lũy kế	II232a		(x)	(x)
	- Khác	II24a		X	X
	+ Nguyên giá	II241a		x	x
	+ Khấu hao lũy kế	II242a		(x)	(x)
3.	Xây dựng cơ bản dở dang	II3a	9	XXX	XXX
4.	Đầu tư tài chính dài hạn	II4a	2	XXX	XXX
	4.1. Vốn nhà nước tại các doanh nghiệp	II41a		X	X
	4.2. Vốn góp	II42a		X	X
	4.3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	II43a		X	X
5.	Cho vay dài hạn	II5a	5	XXX	XXX
6.	Tài sản dài hạn khác	II6a	6	XXX	XXX
	TỔNG TÀI SẢN (I + II)	IIIa		XXXXX	XXXXX
B.	NỢ PHẢI TRẢ				
I.	Nợ ngắn hạn	IVa		XXXX	XXXX
1.	Các khoản phải trả	IV1a	10	XXX	XXX
2.	Nợ ngắn hạn	IV2a	11	XXX	XXX
	Trong đó:				
	- Nợ trong nước của Chính phủ			X	X
	- Nợ nước ngoài của Chính phủ				
	- Nợ chính quyền địa phương			X	X
II.	Nợ dài hạn	Va		XXXX	XXXX
1.	Nợ dài hạn	V1a	11	XXX	XXX
	Trong đó:				
	- Nợ trong nước của Chính phủ			X	X
	- Nợ nước ngoài của Chính phủ			X	X
	- Nợ chính quyền địa phương			X	X
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (I + II)	VIa		XXXXX	XXXXX
C.	NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC	VIIa	12		
I.	Nguồn vốn	VII1a		XXX	XXX
II.	Các quỹ	VII2a		XXX	XXX
III.	Thặng dư/ Thâm hụt lũy kế	VII3a		XXX	XXX
IV.	Các khoản chênh lệch	VII4a		XXX	XXX
	TỔNG NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC (I + II + III + IV)	VIIIa		XXXXX	XXXXX

....., Ngày ... tháng ... năm

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN: ...

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2016/NĐ-

ĐƠN VỊ LẬP: ...

CP ngày /12/2016)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC (Phương án 1)

(cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/20X2)

Đơn vị:

TT	Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Năm 20X2	Năm 20X1
I.	THU NHẬP				
1.	Doanh thu thuộc NSNN	I1b			
1.1	Doanh thu thuế	I1.1b	13	x	x
1.2	Doanh thu phí, lệ phí	I1.2b	14	x	x
1.3	Doanh thu từ dầu thô và khí thiên nhiên	I1.3b	15	x	x
1.4	Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước	I1.4b	16	x	x
1.5	Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại	I1.5b	17	x	x
1.6	Doanh thu khác	I1.6b	18	x	x
2.	Doanh thu thuộc nguồn khác	I2b		x	x
2.1	Doanh thu từ hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	I2.1b	19	x	x
2.2	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	I2.2b	20	x	x
2.3	Doanh thu hoạt động khác	I2.3b	21	x	x
	TỔNG THU NHẬP (1+2)	Ib		xx	xx
II.	CHI PHÍ				
1.	Chi phí thuộc nguồn NSNN	II1b			
1.1	Chi phí quốc phòng	II1.1b		x	x
1.2	Chi phí an ninh và trật tự, an toàn xã hội	II1.2b		x	x
1.3	Chi phí giáo dục- đào tạo và dạy nghề	II1.3b	22	x	x
1.4	Chi phí khoa học và công nghệ	II1.4b	23	x	x
1.5	Chi phí y tế, dân số và gia đình	II1.5b	24	x	x
1.6	Chi phí văn hóa, thông tin	II1.6b	25	x	x
1.7	Chi phí phát thanh, truyền hình, thông tấn	II1.7b	26	x	x
1.8	Chi phí thể dục, thể thao	II1.8b	27	x	x
1.9	Chi phí bảo vệ môi trường	II1.9b	28	x	x
1.10	Chi phí các hoạt động kinh tế	II1.10b	29	x	x
1.11	Chi phí hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;	II1.11b	30	x	x
1.12	Chi phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật	II1.12b	31	x	x
1.13	Chi phí bảo đảm xã hội	II1.13b	32	x	x
1.14	Các khoản chi phí khác	II1.14b	33	x	x
2.	Chi phí thuộc nguồn khác	II2b			
2.1	Chi phí hoạt động	II2.1b	34	x	x
2.2	Chi phí chương trình, dự án	II2.2b	35	x	x
2.3	Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ	II2.4b	36	x	x
2.4	Chi phí hoạt động khác	II2.5b	37	x	x
	TỔNG CHI PHÍ (1+2)	IIb		xx	xx
III.	THẶNG DƯ/(THÂM HỤT) (I-II)	IIIb		xxx	xxx

....., Ngày ... tháng ... năm

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN: ...

ĐƠN VỊ LẬP: ...

Phụ lục số 02b

(Ban hành kèm theo Nghị định số ...

/2016/NĐ-CP ngày /12/2016)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC (Phương án 2)

(cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/20X2)

Đơn vị:

TT	Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Năm 20X2	Năm 20X1
I. THU NHẬP					
1. Doanh thu thuộc NSNN		I1b			
1.1 Doanh thu thuế		I1.1b	13	x	x
1.2 Doanh thu phí, lệ phí		I1.2b	14	x	x
1.3 Doanh thu từ dầu thô và khí thiên nhiên		I1.3b	15	x	x
1.4 Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước		I1.4b	16	x	x
1.5 Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại		I1.5b	17	x	x
1.6 Doanh thu khác		I1.6b	18	x	x
2. Doanh thu thuộc nguồn khác		I2b		x	x
2.1 Doanh thu từ hoạt động của các quỹ TCNN ngoài NS		I2.1b	19	x	x
2.2 Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		I2.2b	20	x	x
2.3 Doanh thu hoạt động khác		I2.3b	21	x	x
TỔNG THU NHẬP (1+2)		Ib		xx	xx
II. CHI PHÍ					
1. Chi phí thuộc nguồn NSNN		II1b			
1.1 Chi phí thanh toán cho con người		II1.1b	22		
1.1.1 Chi phí tiền lương, tiền công		III.1.1b	22	x	x
1.1.2 Chi phí phụ cấp, tiền thưởng		III.1.2b	22	x	x
1.1.3 Chi phí khác cho con người		III.1.3b	22	x	x
1.2 Chi phí hàng hóa, dịch vụ		II1.2b		x	x
1.2.1 Chi phí vật tư văn phòng		III.2.1b	23	x	x
1.2.2 Chi phí hội nghị		III.2.2b	23	x	x
1.2.3 Chi phí đoàn ra, đoàn vào		III.2.3b	24	x	x
1.2.4 Chi phí khác về hàng hóa, dịch vụ		III.2.4b	23	x	x
1.3 Chi phí hỗ trợ và bổ sung		II1.3b		x	x
1.3.1 Chi phí cho công tác người có công với cách mạng		III.3.1b	25	x	x
1.3.2 Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội		III.3.2b	26	x	x
1.3.3 Chi trợ giá theo chính sách của Nhà nước		III.3.3b	27	x	x
1.3.4 Chi viện trợ		III.3.4b	28	x	x
1.3.5 Chi phí hỗ trợ và bổ sung khác		III.3.5b	29	x	x
1.4 Chi phí lãi vay, phí và lệ phí liên quan đến các khoản vay		II1.4b	30	x	x
1.5 Các khoản chi phí khác		II1.5b			
1.5.1 Chi hoàn thuế GTGT		III.5.1b	31	x	x
1.5.2 Chi trả các khoản thu nhầm, thu thừa năm trước và chi trả lãi do trả chậm		III.5.2b	32	x	x
1.5.3 Chi phí khác		III.5.3b	33	x	x
2. Chi phí thuộc nguồn khác		II2b			
2.1 Chi phí hoạt động		II2.1b	34	x	x
2.2 Chi phí chương trình, dự án		II2.2b	35	x	x
2.3 Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ		II2.4b	36	x	x
2.4 Chi phí hoạt động khác		II2.5b	37	x	x
TỔNG CHI PHÍ (1+2)		IIb		xx	xx
III. THẠNG DƯ/(THÂM HỤT) (I-II)		IIIb		xxx	xxx

....., Ngày ... tháng ... năm

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN: ...

ĐƠN VỊ LẬP: ...

(Ban hành kèm theo Nghị định số
/2016/NĐ-CP ngày .../12/2016)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/20X2)

Đơn vị:

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Năm 20X2	Năm 20X1
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU				
1. Thặng dư/Thâm hụt trên Báo cáo Kết quả hoạt động TCNN			...	...
2. Điều chỉnh các khoản:			...	...
- Khấu hao tài sản cố định			...	...
- Chênh lệch các khoản dự phòng			...	...
- Thặng dư/Thâm hụt từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			...	...
- Thặng dư/Thâm hụt từ hoạt động đầu tư			...	...
- Tăng/giảm hàng tồn kho			...	...
- Tăng/giảm các khoản phải thu			...	...
- Tăng/giảm các khoản cho vay			...	...
- Tăng/giảm các khoản phải trả			...	...
- Các khoản điều chỉnh khác			...	...
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu			XXX	XXX
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Thu				
1. Thu nhập từ vốn góp và các khoản đầu tư		56	...	...
2. Thu tiền bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư		57	...	...
3. Thu tiền bán, chuyển nhượng tài sản cố định		58	...	...
4. Tiền thu hồi gốc cho vay			...	...
5. Thu đầu tư khác		59	...	...
Chi				
1. Chi góp vốn và các khoản đầu tư		60	...	...
2. Chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định		61	...	...
3. Chi cho vay dài hạn			...	...
4. Chi đầu tư khác		62	...	...
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			XXX	XXX
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu				
1. Thu vay		63	...	...
2. Thu khác		64	...	...
Chi				
1. Chi trả nợ gốc vay		65	...	...
2. Chi khác		66	...	...
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			XXX	XXX
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (I+II+III)				
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ				
VI. Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá				
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (IV+ V)				

Ngày tháng năm

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN: ...
ĐƠN VỊ LẬP: ...

Phụ lục số 04
(Ban hành kèm theo Nghị định số ...
/2016/NĐ-CP ngày ... /12/2016)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/20X2)

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI

II. KỲ BÁO CÁO, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG ĐỂ BÁO CÁO

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN/CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BCTC

- 1. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính nhà nước
- 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền
- 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư
- 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu
- 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
- 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay
- 7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định
- 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang
- 9. Nguyên tắc ghi nhận tài sản khác
- 10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả
- 11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay
- 12. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn
- 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu
- 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

V. THUYẾT MINH CÁC SỐ LIỆU TRÊN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền và tương đương tiền	Đơn vị:	
	31/12/20X2	31/12/20X1
Tiền mặt	...	...
Tiền mặt Việt Nam đồng	...	...
Tiền mặt ngoại tệ	...	...
Vàng, bạc, kim quý, đá quý	...	...
Tiền gửi tại ngân hàng	...	...
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	...	...
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ	...	...
Tiền đang chuyển	...	...
Các khoản tương đương tiền	...	...
Cộng	xxx	xxx

2. Đầu tư tài chính	Đơn vị:	
	31/12/20X2	31/12/20X1
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	...	...
Cổ phiếu	...	...
Trái phiếu	...	...
...	...	...
Khác	...	...
Cộng	xxx	xxx
Dài hạn		
Vốn nhà nước tại các DNNN	...	...
Vốn nhà nước tại các Công ty CP, công ty TNHH	...	...
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	...	...
Đầu tư vào đơn vị liên doanh, liên kết	...	...
Tiền gửi có kỳ hạn	...	...
Trái phiếu	...	...
...	...	...
Cộng	xxx	xxx
Tổng cộng đầu tư tài chính	xxx	xxx

3. Các khoản phải thu	Đơn vị:	
	31/12/20X2	31/12/20X1
Phải thu thuế	...	...
Phải thu phí, lệ phí	...	...
Phải thu hoạt động cung cấp dịch vụ	...	...
Trả trước cho nhà cung cấp	...	...
Phải thu lãi cho vay	...	...
Phải thu cổ tức, lợi nhuận	...	...
Phải thu khác	...	...
Cộng	xxx	xxx

4. Hàng tồn kho	Đơn vị:	
	31/12/20X2	31/12/20X1
Nguyên liệu, vật liệu	...	...
Công cụ, dụng cụ	...	...
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	...	...
Thành phẩm	...	...
Hàng hóa	...	...
Vật tư, hàng hóa dự trữ	...	...
Cộng	xxx	xxx

5. Cho vay	Đơn vị:	
	31/12/20X2	31/12/20X1
Ngắn hạn		
(Chi tiết một số đối tượng trọng yếu ...)	...	...
Cộng	xxx	xxx
Dài hạn		
(Chi tiết một số đối tượng trọng yếu ...)	...	...
Cộng	xxx	xxx
Tổng cộng cho vay	xxx	xxx

6. Tài sản khác	Đơn vị:	
	31/12/20X2	31/12/20X1
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn	...	...
Tạm ứng	...	...
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	...	...
Tài sản thiếu chờ xử lý	...	...
Khác	...	...
Cộng	xxx	xxx
Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn	...	...
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	...	...
Khác	...	...
Cộng	xxx	xxx
Tổng cộng	xxx	xxx

7.1. Tài sản kết cấu hạ tầng

Mô tả chi tiết	Đơn vị:					Đơn vị:
	Đường bộ	Đường sắt	Đường thủy	Đường hàng hải	Đường hàng không	
Nguyên giá						
01/01/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Tăng trong năm	...	...	...	...	...	...
Giảm trong năm	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
31/12/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Khấu hao lũy kế						
01/01/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Tăng trong năm	...	...	...	...	...	...
Giảm trong năm	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
31/12/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Giá trị còn lại						
01/01/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
31/12/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

7.2. Bất động sản, nhà cửa, thiết bị

[illegible]

8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị:

	Quyền sử dụng đất	Quyền tác giả	Quyền sở hữu công nghiệp	Quyền đối với giống cây trồng	Phần mềm ứng dụng	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
01/01/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Tăng trong năm	...	...	...	...	...	...	...
Giảm trong năm	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
31/12/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Khấu hao lũy kế							
01/01/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Tăng trong năm	...	...	...	...	...	...	...
Giảm trong năm	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
31/12/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
Giá trị còn lại							
01/01/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
31/12/20X2	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

9. Xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị:

	31/12/20X 1	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/20X 2
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	...	...	(...)	...
Trong đó (chi tiết một số công trình lớn nếu cần):	...	...	(...)	...
Công trình A	...	...	(...)	...
Công trình B	...	...	(...)	...
...	...	...	(...)	...
Chi phí mua sắm	...	...	(...)	...
Trong đó (chi tiết một số tài sản lớn nếu cần):	...	...	(...)	...
Tài sản A	...	...	(...)	...
Tài sản B	...	...	(...)	...
...	...	...	(...)	...
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	...	...	(...)	...
Trong đó (chi tiết một số tài sản lớn nếu cần):	...	...	(...)	...
Tài sản A	...	...	(...)	...
Tài sản B	...	...	(...)	...
...	...	...	(...)	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx

		Đơn vị:	
		31/12/20X2	31/12/20X1
10. Các khoản phải trả			
Phải trả tiền hoàn thuế	...	...	...
Phải trả nhà cung cấp	...	...	...
Nhận ứng trước của khách hàng	...	...	...
Chi phí phải trả	...	...	...
Phải trả khác	...	...	...
Cộng		xxx	xxx

		Đơn vị:	
		31/12/20X2	31/12/20X1
11. Nợ			
Ngắn hạn			
Nợ trong nước của Chính phủ	...	...	...
Nợ nước ngoài của Chính phủ	...	...	...
Nợ của chính quyền địa phương	...	...	...
Nợ của các đơn vị (nếu có)	...	...	...
Nợ khác	...	...	...
Cộng		xxx	xxx
Dài hạn			
Nợ trong nước của Chính phủ	...	...	...
Nợ nước ngoài của Chính phủ	...	...	...
Nợ của chính quyền địa phương	...	...	...
Nợ của các đơn vị (nếu có)	...	...	...
Nợ khác	...	...	...
Cộng		xxx	xxx
Cộng		xxx	xxx

11.1. Chi tiết nợ của chính phủ

	31/12/20X1	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	Đơn vị: 31/12/20X2
Ngắn hạn				
Vay trong nước	...	...	(...)	...
Tín phiếu	...	...	(...)	...
Hối phiếu	...	...	(...)	...
Trái phiếu	...	...	(...)	...
Công trái	...	...	(...)	...
Vay bằng thỏa thuận	...	...	(...)	...
Vay nước ngoài	...	...	(...)	...
Trái phiếu quốc tế (nếu có)	...	...	(...)	...
Vay bằng thỏa thuận	...	...	(...)	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx
Dài hạn				
Vay trong nước	...	...	(...)	...
Hối phiếu	...	...	(...)	...
Trái phiếu	...	...	(...)	...
Công trái	...	...	(...)	...
Vay bằng thỏa thuận	...	...	(...)	...
Vay nước ngoài	...	...	(...)	...
Trái phiếu quốc tế	...	...	(...)	...
Vay bằng thỏa thuận	...	...	(...)	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx
Tổng cộng	xxx	xxx	xxx	xxx

11.2 Chi tiết nợ chính quyền địa phương

	31/12/20X1	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	Đơn vị: 31/12/20X2
Ngắn hạn				
Trái phiếu địa phương	...	...	(...)	...
Khác	...	...	(...)	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx
Dài hạn				
Trái phiếu địa phương	...	...	(...)	...
Khác	...	...	(...)	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx
Tổng cộng	xxx	xxx	xxx	xxx

12. Nguồn vốn nhà nước

Đơn vị:

	Nguồn vốn	Các quỹ	Thặng dư/thâm hụt lũy kế	Các khoản chênh lệch	Tổng cộng
-	Số dư tại ngày 31/12/20X1				
	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
	<i>Các khoản điều chỉnh</i>				
	Điều chỉnh do thay đổi chính sách kế toán	...	...	...	...
	Điều chỉnh sai sót kỳ trước	...	...	...	...
-	Số dư trình bày lại tại ngày 01/01/20X2				
	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx
	<i>Các khoản điều chỉnh về vốn</i>				
	Thặng dư/ thâm hụt do đánh giá lại tài sản	...	...	...	...
	Thặng dư/ thâm hụt do chênh lệch tỷ giá	...	...	...	...
	Thặng dư/thâm hụt trên Báo cáo KQHD	...	...	...	...
	Các khoản tăng/giảm khác	...	...	...	...
-	Số dư tại ngày 31/12/20X2				
	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

17 Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại

18 Doanh thu khác*Đơn vị:*

TT	Khoản mục	20X2	20X1
	Thu nhập từ bán, chuyển nhượng TSCĐ		
1	của Nhà nước	...	...
	Thu nhập từ cho thuê nhà và TSCĐ của		
2	nhà nước	...	...
3	Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản	...	...
	Thu khác (biểu tặng, xử phạt vi phạm		
4	hành chính,...)	...	...
	Cộng	xxx	xxx

19 Doanh thu từ hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*Đơn vị:*

TT	Khoản mục	20X2	20X1
1	Thu từ hoạt động quản lý quỹ BHXH	...	...
2	Thu từ hoạt động quản lý quỹ	...	...
3	Thu từ hoạt động quản lý quỹ	...	...
	Cộng	xxx	xxx

20 Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ*Đơn vị:*

TT	Cơ quan, đơn vị	Dịch vụ sự nghiệp công		SX - KD, DV khác		Tổng cộng	
		20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1	NSTW						
1.1	Bộ A	...	...	...	...	...	...
1.2	Bộ B	...	...	...	...	...	...
...	...						
2	NSDP						
2.1	Tỉnh A	...	...	...	...	...	...
2.1	Tỉnh B	...	...	...	...	...	...
...	...						
	Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

21 Doanh thu hoạt động khác*Đơn vị:*

TT	Cơ quan, đơn vị	Phí đơn vị được hưởng		Doanh thu hoạt động khác		Tổng cộng	
		20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1	NSTW						
1.1	Bộ A	...	...	...	...	...	...
1.2	Bộ B	...	...	...	...	...	...
...	...						
2	NSDP						
2.1	Tỉnh A	...	...	...	...	...	...
2.2	Tỉnh B	...	...	...	...	...	...
...	...						
	Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

Thuyết minh phần Chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động theo Phương án 1

22 Chi phí giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Đơn vị:

TT	Cơ quan, đơn vị	Chi phí cho con người (lương, phụ cấp..)		Chi phí hàng hóa, dịch vụ		Chi phí khác		Tổng cộng	
		20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1	NSTW								
1,1	Bộ A	...	...	...	...	...	...	...	...
1,2	Bộ B	...	...	...	...	...	...	...	...
....									
2	NSDP								
2,1	Tỉnh A	...	...	...	...	...	...	...	...
2,2	Tỉnh B	...	...	...	...	...	...	...	...
....									
	Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

Từ thuyết minh 23 đến 30, chi tiết tương tự như thuyết minh 22

31 Chi phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật

Đơn vị:

TT	Tổ chức	Số tiền	
		20X2	20X1
1	NSTW		
1,1	Tổ chức A	...	...
1,2	Tổ chức B	...	...
....			
2	NSDP		
2,1	Tổ chức X	...	...
2,2	Tổ chức Y	...	...
....			
	Cộng	xxx	xxx

32 Chi bảo đảm xã hội

Đơn vị:

TT	Cơ quan, đơn vị	Công tác người có công với cách mạng		Lương hưu và trợ cấp xã hội		Bảo đảm xã hội khác		Tổng cộng	
		20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1	NSTW								
1,1	Bộ A	...	...	...	...	...	...	...	...
1,2	Bộ B	...	...	...	...	...	...	...	...
....									
2	NSDP								
2,1	Tỉnh A	...	...	...	...	...	...	...	...
2,2	Tỉnh B	...	...	...	...	...	...	...	...
....									
	Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

33 Các khoản chi phí khác

Đơn vị:

TT	Khoản mục	Số tiền	
		20X2	20X1
	Lãi vay, phí và lệ phí liên quan đến các		
1	khoản vay	...	...
2	Viện trợ	...	...
....			
	Cộng	xxx	xxx

34 Chi phí hoạt động

Đơn vị:

TT	Cơ quan, đơn vị	Chi con người (lương, phụ cấp..)		Chi phí hàng hóa, dịch vụ		Chi khác		Tổng cộng	
		20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1	NSTW	...	...	...	...	...	...	...	...
1.1	Bộ A	...	...	...	...	...	...	...	...
1.2	Bộ B								
1.3	...								
2	NSDP								
2.1	Tỉnh A								
2.2	Tỉnh B								
2.3	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

35 Chi phí chương trình, dự án

Đơn vị:

TT	Cơ quan, đơn vị	20X2	20X1
1	NSTW	...	...
1.1	Bộ A	...	...
1.2	Bộ B	...	...
1.3	...	...	...
2	NSDP	...	...
2.1	Tỉnh A	...	...
2.2	Tỉnh B	...	...
2.3	...	...	...
	Cộng	xxx	xxx

36 Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Đơn vị:

TT	Cơ quan, đơn vị	20X2	20X1
1	NSTW	...	...
1.1	Bộ A	...	...
1.2	Bộ B	...	...
1.3	...	...	...
2	NSDP	...	...
2.1	Tỉnh A	...	...
2.2	Tỉnh B	...	...
2.3	...	...	...
	Cộng	xxx	xxx

37 Chi phí hoạt động khác

Đơn vị:

TT	Cơ quan, đơn vị	20X2	20X1
1	NSTW	...	...
1.1	Bộ A	...	...
1.2	Bộ B	...	...
1.3	...	...	...
2	NSDP	...	...
2.1	Tỉnh A	...	...
2.2	Tỉnh B	...	...
2.3	...	...	...
	Cộng	xxx	xxx

Thuyết minh phần Chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động theo Phương án 2

22 Thanh toán cho con người

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Tiền lương, tiền công		Phụ cấp, thưởng		Khác		Tổng cộng	
	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1 NSTW								
1.1 Bộ A	...	...	...	...	...	...	...	...
1.2 Bộ B	...	...	...	...	...	...	...	...
1.3 ...	...	...	...	...	...	...	...	...
2 NSDP								
2.1 Tỉnh A	...	...	...	...	...	...	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...	...	...	...	...	...	...
....	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

23 Chi phí hàng hóa, dịch vụ (không gồm chi đoàn ra, đoàn vào)

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Vật tư văn phòng		Hội nghị		Khác		Tổng cộng	
	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1 NSTW								
1.1 Bộ A	...	...	...	...	...	...	...	...
1.2 Bộ B	...	...	...	...	...	...	...	...
1.3 ...	...	...	...	...	...	...	...	...
2 NSDP								
2.1 Tỉnh A	...	...	...	...	...	...	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...	...	...	...	...	...	...
2.3	...	...	...	...	...	...	...	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

24 Chi phí đoàn ra, đoàn vào

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Đoàn ra		Đoàn vào		Tổng cộng	
	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1 NSTW						
1.1 Bộ A	...	...	...	...	...	...
1.2 Bộ B	...	...	...	...	...	...
1.3 ...	...	...	...	...	...	...
2 NSDP						
2.1 Tỉnh A	...	...	...	...	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...	...	...	...	...
2.3	...	...	...	...	...	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

25 Chi phí cho công tác người có công với cách mạng

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Số tiền	
	20X2	20X1
1 NSTW		
1.1 Bộ A	...	...
1.2 Bộ B	...	...
1.3 ...	...	...
2 NSDP		
2.1 Tỉnh A	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...
2.3	...	...
Cộng	xxx	xxx

26 Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Lương hưu		Trợ cấp BHXH và khác		Tổng cộng	
	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1 NSTW						
1.1 Bộ A	...	...	...	...	...	...
1.2 Bộ B	...	...	...	...	...	...
1.3 ...	...	...	...	...	...	...
2 NSDP						
2.1 Tỉnh A	...	...	...	...	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...	...	...	...	...
2.3						
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

27 Chi trợ giá theo chính sách của Nhà nước thuyết minh tương tự "Chi phí cho công tác cho người có công với cách mạng"

28 Chi viện trợ

Đơn vị:

TT Nội dung	Số tiền	
	20X2	20X1
1 Viện trợ cho Lào	...	...
2 Viện trợ cho Campuchia	...	...
3 Viện trợ nước ngoài khác	...	...
Cộng	xxx	xxx

29 Chi phí hỗ trợ và bổ sung khác

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Hỗ trợ kinh tế tập thể và dân cư		Công tác bảo đảm xã hội		Tổng cộng	
	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1 NSTW						
1.1 Bộ A	...	...	...	...	...	...
1.2 Bộ B	...	...	...	...	...	...
1.3 ...	...	...	...	...	...	...
2 NSDP						
2.1 Tỉnh A	...	...	...	...	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...	...	...	...	...
2.3						
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

30 Chi phí lãi vay, phí và lệ phí liên quan đến các khoản vay

Đơn vị:

TT Nội dung	Lãi vay		Phí, lệ phí liên quan đến khoản vay		Tổng cộng	
	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1 Vay trái phiếu Chính phủ phát hành ra thị trường trong nước	...	...	...	...	...	...
2 Vay từ các quỹ tài chính trong nước	...	...	...	...	...	...
3 Vay phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	...	...	...	...	...	...
4 Vay trái phiếu Chính phủ phát hành ra thị trường quốc tế	...	...	...	...	...	...
5 Vay của các tổ chức quốc tế	...	...	...	...	...	...
6 Vay các tổ chức tài chính nước ngoài khác	...	...	...	...	...	...
7 Vay của Chính phủ các nước	...	...	...	...	...	...
8 Vay khác	...	...	...	...	...	...
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

31 Chi hoàn thuế giá trị gia tăng theo luật thuế giá trị gia tăng

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Số tiền	
	20X2	20X1
1 NSTW		
2 NSDP		
2.1 Tỉnh A	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...
2.3		
Cộng	xxx	xxx

32 Chi trả các khoản thu nhằm, thu thừa năm trước và chi trả lãi do trả chậm

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Hoàn trả khoản thu do CQHQ quyết định		Hoàn trả khoản thu về thuế nội địa		Hoàn trả các khoản thu về phí và lệ phí		Chi khác		Tổng cộng	
	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1	20X2	20X1
1 NSTW										
2 NSDP										
2.1 Tỉnh A	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
2.2 Tỉnh B	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
2.3										
Cộng	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx	xxx

33 Chi phí khác

Đơn vị:

TT Cơ quan, đơn vị	Số tiền	
	20X2	20X1
1 Hỗ trợ và giải quyết việc làm	...	...
2 Hỗ trợ doanh nghiệp và Quỹ tài chính NN	...	...
3 Hỗ trợ hoạt động tín dụng Nhà nước	...	...
4 Chi quy hoạch	...	...
5 Chi khác (như khấu hao, dự phòng nếu có)	...	...
Cộng	xxx	xxx

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Xác định vấn đề đánh giá tác động

1.1. Cơ sở pháp lý

- Luật kế toán 2015 đã bổ sung các quy định về Báo cáo tài chính Nhà nước, cụ thể:

"1. Báo cáo tài chính nhà nước được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước, dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương.

2. Báo cáo tài chính nhà nước cung cấp thông tin về tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước, nợ công, vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tài sản, nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn của Nhà nước. Báo cáo tài chính nhà nước gồm:

- a) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước;
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

3. Việc lập báo cáo tài chính nhà nước được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm lập báo cáo của đơn vị mình và cung cấp thông tin

tài chính cần thiết phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương.

4. Báo cáo tài chính nhà nước được lập và trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng với thời điểm quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung báo cáo tài chính nhà nước; việc tổ chức thực hiện lập, công khai báo cáo tài chính nhà nước; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước” (Điều 30).

”Chính phủ chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bắt đầu việc lập báo cáo tài chính nhà nước theo quy định tại Điều 30 của Luật này chậm nhất là 24 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực” (Khoản 1 Điều 73).

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính đến 2020 đã cụ thể hóa việc thực hiện Chiến lược thành 2 giai đoạn và thông qua 9 chiến lược ngành; trong đó, có Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020.

- Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020 đã đề ra hàng loạt các nội dung cần triển khai. Đối với lĩnh vực kế toán nhà nước, Chiến lược đề cập đến một số nội dung về Tổng Kế toán nhà nước, với nhiệm vụ chủ yếu là lập Báo cáo tài chính Nhà nước.

- Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức KBNN trực thuộc Bộ Tài chính; theo đó, KBNN có chức năng Tổng Kế toán Nhà nước (Tổng KTNN).

- Thực hiện Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg, Bộ Tài chính đã ban hành - Quyết định số 3873/QĐ-BTC ngày 12/12/2008 (sau này là Quyết định số 937/QĐ-BTC ngày 25/4/2011 và Quyết định số 739/QĐ-BTC ngày 11/4/2014 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 937/QĐ-BTC ngày 25/4/2011) về việc ban hành danh mục các đề án, cơ chế chính sách thực hiện Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020; trong đó, quy định phải xây dựng mô hình Kho bạc Nhà nước thực hiện chức năng Tổng kế toán nhà nước. Bộ Tài chính cũng ban hành Quyết định số 1188/QĐ-BTC ngày 20/5/2014 về việc phê duyệt Đề án Tổng KTNN, trong đó có quy định việc xây dựng Nghị định về Báo cáo Tài chính Nhà nước.

1.2. Thực trạng công tác kế toán nhà nước hiện nay

1.2.1. Các đặc điểm thực trạng khung pháp lý về kế toán nhà nước

Hiện nay, trong lĩnh vực kế toán nhà nước Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản sau để điều chỉnh, hướng dẫn:

- Luật Kế toán: Luật Kế toán năm 2003 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2016. Ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua và ban hành Luật Kế toán số 88/2015/QH13 sửa đổi Luật Kế toán 2003 và có hiệu lực kể từ ngày

01/01/2017.

- Trên cơ sở Luật Kế toán 2003, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Kế toán và Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước bao gồm:

+ Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện KTNN áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS);

+ Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp: Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp của Bộ Tài chính; và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã đưa ra các hướng dẫn kế toán và lập báo cáo cho các đơn vị sử dụng ngân sách (đơn vị dự toán cấp 1, 2, 3).

+ Chế độ kế toán thuế xuất, nhập khẩu theo Thông tư số 174/2015/TT-BTC ngày 10/11/2015 về việc hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Ngân sách và Tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

+ Chế độ kế toán Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính;

+ Chế độ kế toán dự trữ nhà nước ban hành kèm theo Thông tư số 142/2014/TT-BTC ngày 25/09/2014 của Bộ Tài chính;

- Các chế độ kế toán khác trong lĩnh vực kế toán Nhà nước.

Để đảm bảo các quy định trong Luật Kế toán mới được thi hành từ ngày 01/01/2017, hiện nay, Bộ Tài chính được Chính phủ giao nghiên cứu, xây dựng các Nghị định quy định cụ thể và hướng dẫn một số điều của Luật, đồng thời chủ trì nghiên cứu, xây dựng các văn bản hướng dẫn khác (như văn bản sửa đổi chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, văn bản ban hành hệ thống Chuẩn mực kế toán công,...).

Như vậy, có thể thấy hiện nay, tất cả các đơn vị kế toán nhà nước đều đã được tổ chức công tác kế toán, thực hiện theo quy định của các chế độ kế toán tương ứng, vì vậy, về cơ bản phản ánh đầy đủ các đối tượng của kế toán nhà nước. Ngoài ra, do mục tiêu chế độ kế toán hiện nay chỉ hướng đến thông tin quyết toán NSNN nên các đơn vị này không được yêu cầu lập Báo cáo tài chính (trừ các doanh nghiệp Nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn Nhà nước do các áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp).

1.2.2 Đánh giá về thực trạng khung pháp lý kế toán nhà nước hiện nay

a) Thuận lợi

Hệ thống báo cáo tài chính của các đơn vị lập theo quy định hiện hành đã đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với Luật NSNN và các chính sách quản lý tài chính đối với các đơn vị và là 1 bộ phận cấu thành để tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhằm phục vụ điều hành ngân sách của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Hệ thống báo cáo tài chính của các đơn vị đã cung cấp được những thông tin cơ bản về tình hình tài sản, tình hình thu, chi và kết quả của các hoạt động, phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị. Ngoài ra, nó còn cung cấp một số thông tin bổ sung để người đọc có thể nắm bắt được tình hình hoạt động, các chính sách quản lý, những vấn đề phát sinh trong đơn vị, từ đó có cái nhìn tổng thể về hoạt động của đơn vị mình.

Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành; phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu đã được quy định đối với từng loại báo cáo; phương pháp tổng hợp số liệu và lập các chỉ tiêu được thực hiện thống nhất ở các đơn vị.

b) Một số hạn chế: Bên cạnh kết quả đạt được, kế toán Nhà nước hiện vẫn tồn tại một số vấn đề sau:

Các quy định, chế độ hiện nay chủ yếu tập trung vào mục đích cung cấp các thông tin về quyết toán NSNN. Các thông tin này được lập cho từng năm, số liệu quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt với thời hạn khác nhau, trong đó NSNN được Quốc hội phê duyệt vào thời điểm 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách. Do đó, nó có ý nghĩa chủ yếu trong việc giám sát thu, chi NSNN, từ khâu lập dự toán, chấp hành và quyết toán NSNN.

Trong khi đó, hiện chưa có báo cáo nào tổng hợp tình hình tài sản của Nhà nước, nguồn lực và các nghĩa vụ phải trả hiện tại và tiềm năng của Nhà nước. Theo đó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thiếu các thông tin đa chiều do kế toán tài chính nhà nước cung cấp để đánh giá hiệu quả chi NSNN, đầu tư công, ... dẫn đến các quyết sách đưa ra chưa thật sự hiệu quả.

c) Nguyên nhân:

Một số hạn chế trên chủ yếu là do hiện nay chưa có một khuôn khổ pháp lý cao, thống nhất để điều chỉnh một cách đồng bộ về công tác lập Báo cáo tài chính Nhà nước nhằm xác định đối tượng của Báo cáo tài chính Nhà nước, xây dựng quy trình tổng hợp thông tin, lập Báo cáo tài chính Nhà nước, phân định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong công tác lập Báo cáo tài chính Nhà nước...

1.3. Kinh nghiệm quốc tế

Bộ Tài chính đã nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, đã triển khai thành công báo cáo tài chính nhà nước (như Cộng hòa Pháp, Canada, Nam Phi, Hàn Quốc), một số đặc điểm được coi là bài học, kinh nghiệm để vận dụng vào thực tế Việt Nam như sau:

- Về một số nội dung thực hiện lập Báo cáo tài chính Nhà nước:

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, để thực hiện tổng hợp, lập Báo cáo tài chính Nhà nước, các nước đều tiến hành xây dựng biểu mẫu các Báo cáo tài chính Nhà nước, quy trình tổng hợp, lập Báo cáo tài chính; thời hạn cung cấp thông tin, thời hạn lập Báo cáo tài chính Nhà nước,...

Các nước không nhất thiết phải đưa ngay toàn bộ đối tượng thông tin vào Báo cáo tài chính nhà nước, mà thực hiện theo lộ trình, trong đó dần dần mở rộng các đối tượng thông tin của các đơn vị khác nhau khi có điều kiện phù hợp. Ngoài ra, do đặc thù ngân sách của nhiều nướ độc lập (không lồng ghép) nên Báo cáo tài chính được lập riêng cho chính phủ (chính quyền trung ương) và cho địa phương; không lập Báo cáo tài chính Nhà nước tổng hợp của cả chính quyền trung ương và địa phương.

- Về quy định pháp lý: Các nước đều có quy định pháp luật tương đối hoàn chỉnh để thực hiện lập Báo cáo tài chính Nhà nước. Cụ thể, nội dung lập Báo cáo tài chính Nhà nước được quy định trong Luật (hầu hết các nước phát triển là Luật tài chính công, Hàn Quốc ban hành Luật Kế toán công,...), sau đó có ban hành Nghị định hướng dẫn, Chuẩn mực,...

- Về cơ quan giao chức năng lập Báo cáo tài chính Nhà nước: Tùy thuộc vào đặc thù mỗi nước, chức năng của các cơ quan thuộc Chính phủ là khác nhau. Song tại hầu hết các nước, chức năng, nhiệm vụ lập Báo cáo tài chính Nhà nước được giao cho Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) thực hiện; ở Pháp do Tổng cục tài chính công (gồm cơ quan thu nội địa và cơ quan Kho bạc sát nhập) thực hiện...

2. Mục tiêu của việc ban hành Nghị định (Mục tiêu chính sách)

2.1. Ban hành Nghị định để tổ chức triển khai lập báo cáo tài chính nhà nước

a) Các yếu tố khách quan

Nhà nước thực hiện mở rộng phân cấp quản lý kinh tế, tài chính trên cơ sở nguyên tắc tập trung - dân chủ nhằm phát huy hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính, đồng thời đảm bảo cho việc thực hiện các chính sách kinh tế, tài chính, xã hội trên bình diện vĩ mô. Ngoài ra, Nhà nước còn tăng cường thực hiện chính sách dân chủ, công bằng trong phân phối thu nhập quốc dân; chủ động hội nhập kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong điều kiện đó, nhu cầu về thông tin tài chính kế toán nhà nước ngày càng phát triển cả về tính chất, nội dung và quy mô. Kế toán nhà nước được xem như công cụ hiệu quả giúp Nhà nước quản lý, kiểm tra, kiểm soát được các nguồn lực tài chính hiện có phục vụ đắc lực cho yêu cầu củng cố, hiện đại hóa và phát triển đất nước; yêu cầu minh bạch và công khai hóa tài chính cả trong và ngoài nước.

- *Nhu cầu thông tin trong nước:*

+ Đối với chính quyền các cấp và các cơ quan quản lý chức năng:

Đáp ứng yêu cầu quản lý giai đoạn hiện nay, *một mặt*, kế toán nhà nước

phải trở thành công cụ thiết thực cho các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước có được các thông tin cần thiết để quản lý được các nguồn lực; đánh giá chính xác tình hình tài chính của đơn vị, cấp, ngành thuộc phạm vi quản lý; giúp cho việc khai thác và phân bổ nguồn lực hợp lý, hiệu quả; *mặt khác*, kế toán nhà nước phải đảm bảo cho Nhà nước có được các thông tin tập trung, thống nhất, tin cậy để thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình hình thành và sử dụng các nguồn lực tài chính (dưới hình thức như thuế, phí, các khoản vay nợ, các khoản chi NSNN, tài sản quốc gia, ngân quỹ nhà nước...), đồng thời giúp cho việc điều tiết nền kinh tế và thực hiện các chính sách vĩ mô của Nhà nước.

+ Đối với các đơn vị kế toán nhà nước:

Đứng trước đòi hỏi khách quan hiện nay là nhu cầu về khối lượng, chất lượng dịch vụ công ngày càng cao trong khi nguồn lực có hạn, mọi hoạt động của các đơn vị hành chính sự nghiệp cho dù là hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động sự nghiệp, thậm chí ngay cả các hoạt động quản lý hành chính đơn thuần; dù có thu hay không có thu cũng cần thiết và có thể tính toán hiệu quả của chúng về mặt tài chính. Một trong những mục tiêu quan trọng của cải cách tài chính công theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước là trên cơ sở phân biệt rõ cơ quan hành chính công quyền với tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công, thực hiện đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính sự nghiệp, từng bước thực hiện tính toán phân bổ kinh phí căn cứ vào kết quả và chất lượng hoạt động, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu của cơ quan hành chính, tăng quyền chủ động cho đơn vị sử dụng ngân sách.

Trong điều kiện mở rộng phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, hiệu quả quản lý không chỉ được đo bằng chất lượng, khối lượng công việc mà còn phải tính đến những chi phí để thực hiện những công việc đó. Nhà nước đang chủ trương thí điểm và mở rộng mô hình khoán biên chế và kinh phí hoạt động cho các cơ quan hành chính; tăng cường tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp, vì thế, kế toán nhà nước (cụ thể là kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp), với tư cách là công cụ quản lý, cần có những thay đổi phù hợp để phục vụ yêu cầu quản lý. Thông tin đầy đủ, trung thực về tình hình tài chính của đơn vị kết hợp với thông tin *kế toán quản trị* ở các đơn vị hành chính sự nghiệp sẽ trở nên cần thiết hơn đối với thủ trưởng của các đơn vị này trong việc thực hiện mục tiêu đổi mới hoạt động, tăng cường hiệu quả trong quản lý cũng như phục vụ cho việc đánh giá kết quả hoạt động của đơn vị.

+ Đối với Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, công chúng:

Trong xu hướng dân chủ hoá nói chung và dân chủ, công khai hóa trong quản lý tài chính nhà nước nói riêng, vai trò các cơ quan kiểm tra, kiểm soát và vai trò giám sát của nhân dân ngày càng được nâng cao. Để thực hiện được vai trò ấy, các đối tượng này cần và phải được cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, trung thực về hoạt động tài chính của Nhà nước. Nhà nước không chỉ có nhiệm vụ *cung cấp* các thông tin đó mà còn phải *tạo điều kiện* (nhất là với dân) để các đối tượng này có được các thông tin cần thiết.

Hiện nay, Nhà nước ta đang thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi, các hoạt

động kinh tế, tài chính phải được công khai hóa trong phạm vi cho phép để mọi người dân được biết, được bàn và cùng thực hiện. Mục tiêu *thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý ngân sách nhà nước* cũng đã được chỉ rõ trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010. Trong hoạt động về thu, chi ngân sách nhà nước, sử dụng tài sản công quỹ của Nhà nước kể cả các khoản đóng góp của dân; thu, chi của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp phải được công khai, chi tiết theo quy định của Nhà nước. Để thực hiện thông tin công khai, kịp thời, thống nhất, chính xác giữa các cấp, các ngành, các đơn vị cần thiết phải có mô hình tổ chức phù hợp để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin.

Luật ngân sách nhà nước 2015 cũng có xu hướng tăng cường quyền giám sát, kiểm tra của Quốc hội, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, ngân sách. Quốc hội sẽ phải quyết định nhiều vấn đề hơn, phạm vi giám sát rộng hơn, nội dung phong phú hơn. Để đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền đó, Quốc hội phải được cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết; không chỉ tình hình ngân sách mà cả tình hình ngân quỹ, tài sản của Nhà nước; không chỉ trong quá trình thông qua dự toán và quyết toán ngân sách mà cả trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước; các số liệu về tình hình tài chính nhà nước không chỉ bó hẹp trong phạm vi một năm mà cần mở rộng ra trung hạn, dài hạn....Ngoài ra, để các thông tin về tài chính, ngân sách đảm bảo tính tin cậy ở trên tất cả các cấp độ quản lý, cơ quan Kiểm toán nhà nước cần phải đóng vai trò thực sự độc lập, khách quan và đủ năng lực để thực hiện chức năng của mình. Trong xu hướng mới ấy, kế toán nhà nước phải được tổ chức và xây dựng lại để đáp ứng được đầy đủ hơn nhu cầu về thông tin của các tầng lớp nhân dân, Quốc hội và Kiểm toán nhà nước.

- *Nhu cầu thông tin bên ngoài:*

Các nước và các tổ chức quốc tế tài trợ luôn quan tâm tới tình hình tài chính và khả năng trả nợ của Nhà nước. Nếu những thông tin đó được cung cấp đầy đủ, tin cậy thì Nhà nước sẽ được vay nợ trong những điều kiện thuận lợi (thời hạn, lãi suất, số tiền vay, các điều kiện khác...), ngược lại, nếu các nước và các tổ chức tài trợ không được thoả mãn về những thông tin cần thiết, chắc chắn Nhà nước sẽ gặp khó khăn khi đi vay, nhất là hiện nay Chính phủ đang chủ trương phát hành trái phiếu quốc tế trong điều kiện phải cạnh tranh giữa nhiều nước cùng đi vay trên thị trường tài chính quốc tế.

Trong bối cảnh hội nhập về kinh tế quốc tế và trong khu vực, những thông tin về tài chính nhà nước phải có khả năng so sánh giữa các quốc gia. Vì vậy, kế toán nhà nước vừa phải đảm bảo sự thống nhất, chuẩn mực giữa các cơ quan, đơn vị trong nước vừa phải từng bước vận dụng các chuẩn mực kế toán công trên thế giới được thừa nhận.

Nhu cầu thông tin bên ngoài về tình hình tài chính nhà nước đã trở thành một thực tế. Trong quá trình đàm phán các chương trình tài trợ giữa nước ta và các quốc gia cũng như các tổ chức tài chính quốc tế thì yêu cầu cung cấp đầy đủ, trung thực các số liệu về tình hình tài chính nhà nước vẫn được đưa lên hàng

đầu. Thậm chí, các tổ chức như Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) hay Ngân hàng Thế giới (WB) còn sẵn sàng ủng hộ việc xây dựng hệ thống kế toán nhà nước trước khi bắt đầu các chương trình tài trợ khác.

b) Các yếu tố chủ quan

Công tác kế toán được tổ chức tại các đơn vị KTNN đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc quản lý an toàn tiền và tài sản của nhà nước, kịp thời cung cấp các thông tin về tài chính, ngân sách cho các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý, các đơn vị sử dụng ngân sách từ trung ương đến địa phương phục vụ cho việc quản lý, điều hành hiệu quả ngân sách các cấp. Quá trình hoàn thiện công tác kế toán tại các đơn vị trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần vào công cuộc cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính theo hướng tập trung đầu mối, đơn giản quy trình, thủ tục, xác định rõ trách nhiệm và tăng cường tính chủ động cho các đơn vị.

Mặc dù vậy, hệ thống KTNN còn bộc lộ một số hạn chế cơ bản sau đây:

Một là, chưa hình thành hệ thống KTNN thống nhất; phạm vi, đối tượng kế toán trong KTNN chưa đầy đủ; các phương pháp và nguyên tắc kế toán chưa tuân thủ hoàn toàn theo thông lệ quốc tế, vì vậy, luôn có sự thay đổi, không ổn định giữa các thời kỳ; chưa có sự nhất quán, khớp nối giữa kế toán NSNN và nghiệp vụ KBNN với kế toán nghiệp vụ thu NSNN, các quỹ tài chính, các đơn vị sử dụng ngân sách.

Hai là, số liệu kế toán tại các đơn vị chưa có sự thống nhất đồng bộ. Tổ chức công tác kế toán thu NSNN chưa được tổ chức đồng bộ, nhất quán về phạm vi, nội dung và phương pháp nên số liệu thu NSNN giữa KBNN, cơ quan tài chính, cơ quan thu chưa có sự thống nhất, gây khó khăn cho việc tổng hợp và phân tích số liệu phục vụ công tác quản lý và điều hành NSNN.

Ba là, chưa triển khai và vận hành một cách hoàn chỉnh hệ thống thông tin kế toán tập trung, tích hợp đảm bảo khả năng thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin tài chính và kế toán quản trị một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời và có hiệu quả.

Xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan nêu trên có thể thấy: Việt Nam cần thiết phải nghiên cứu và xây dựng một hệ thống kế toán nhà nước hiện đại, phù hợp với những điều kiện mới nhằm phục vụ cho yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Nhà nước.

c) Kết quả khảo sát thực tế

Để có cái nhìn khách quan và tổng quát hơn về Tổng KTNN áp dụng vào Việt Nam, Bộ Tài chính đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến trên quy mô hẹp đối với các đơn vị thuộc hệ thống KBNN, các đơn vị sử dụng NSNN và một số trường đại học lớn tại Việt Nam. Qua khảo sát, Bộ Tài chính thấy được sự quan tâm rất nhiều từ phía các đơn vị đến việc lập báo cáo tài chính nhà nước. Điều đó chứng tỏ, KBNN đã có những bước đi đúng hướng và phù hợp với yêu cầu thực tế khách quan. Về cơ bản các ý kiến nhất trí cần thiết phải xây dựng Bảng tổng kết

tài sản quốc gia, mô hình Tổng KTNN nên đặt tại KBNN với mục tiêu “Một là, xây dựng hệ thống KTNN thống nhất, áp dụng công nghệ hiện đại, hạch toán theo thông lệ quốc tế, đảm bảo yêu cầu quản lý ngân sách và tài chính công. Ghi nhận, tổng hợp và trình bày hệ thống thông tin tài chính, kế toán quốc gia, phản ánh đầy đủ các đối tượng KTNN,... đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, công khai và minh bạch; Hai là, triển khai thực hiện Tổng KTNN với các chức năng: thu thập, phân loại, hợp nhất, cung cấp và trình bày các thông tin tài chính, kế toán của tất cả các đơn vị thuộc hệ thống KTNN; là cơ quan chịu trách nhiệm công bố và cung cấp các số liệu tài chính, Kế toán của Nhà nước; lưu trữ cơ sở dữ liệu kế toán tập trung, đảm bảo an toàn, bảo mật”, tất cả các ý kiến cho rằng mục tiêu như vậy đã đúng và đủ.

2.2. Việc ban hành Nghị định quy định về báo cáo tài chính nhà nước nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- Xây dựng báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc và báo cáo tài chính nhà nước cấp tỉnh cơ bản phù hợp với thông lệ quốc tế để cung cấp thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và các luồng tiền của tài chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu quản lý của các cơ quan chức năng và người sử dụng thông tin đưa ra các quyết định điều hành nền tài chính và ngân sách nhà nước và các quyết định kinh tế khác.

- Quy định chặt chẽ, rõ ràng, hợp lý trách nhiệm của các đơn vị tham gia vào quy trình xây dựng báo cáo tài chính nhà nước để đảm bảo chất lượng của báo cáo tài chính nhà nước.

3. Các vấn đề lựa chọn đánh giá

Ban soạn thảo Nghị định tập trung đánh giá một số vấn đề chính tác động đến các đối tượng tham gia cung cấp thông tin cho báo cáo tài chính nhà nước và lập báo cáo tài chính nhà nước, cụ thể như sau:

- **Vấn đề 1:** Tác động tới các đơn vị kế toán nhà nước.

- **Vấn đề 2:** Tác động đến hệ thống KBNN.

- **Vấn đề 3:** Tác động đến các cơ quan quản lý thu, chi NSNN.

II. TÁC ĐỘNG CỦA NGHỊ ĐỊNH VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Qua nghiên cứu mô hình Tổng KTNN tại các nước trên thế giới, có 2 cách thức tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước:

- Cách thức 1: Triển khai hệ thống tập trung, tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước trực tiếp từ các chứng từ của các đơn vị kế toán nhà nước.

- Cách thức 2: Tổng hợp/Hợp nhất các báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán nhà nước.

Phân tích cụ thể 2 cách thức thực hiện:

*** Cách thức 1:** .

Một số quan điểm cho rằng các cơ quan thu, các đơn vị sử dụng ngân sách và các đơn vị khác không cần tổ chức kế toán riêng tại các đơn vị sử dụng ngân sách mà tham gia hạch toán trực tiếp vào hệ thống Tổng KTNN, từ đó, tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước. Với phương án này, xuất phát từ thực tiễn, chúng tôi cho rằng sẽ gặp phải các khó khăn sau đây:

- Việc thiết kế bộ mã hạch toán sẽ rất phức tạp vì có rất nhiều đơn vị thuộc các loại hình khác nhau. Quy trình kế toán cần xây dựng rất cụ thể cho mọi đối tượng. Ngoài ra, cần phải sửa hệ thống phần mềm kế để đáp ứng nhu cầu của từng đơn vị. Kinh nghiệm cho thấy rất khó xây dựng được hệ thống đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu quản lý.

- Các đơn vị KTNN thường xuyên thay đổi, dẫn đến cấu trúc của hệ thống bị thay đổi và xáo trộn liên tục. Công tác triển khai đến các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy trình nghiệp vụ của hệ thống với số lượng lớn như hiện nay là điều vô cùng khó khăn, và có thể nói là không thể thực hiện được.

- Về việc tổ chức bộ máy kế toán, sẽ cần phải tổ chức một hệ thống theo chiều dọc, từ trung ương đến địa phương, với đội ngũ cán bộ khá lớn để thực hiện các nội dung của hoạt động nghiệp vụ. Trong khi đó, việc tổ chức xử lý thông tin cần đảm bảo tính phù hợp với tổ chức bộ máy kế toán của các đơn vị dự toán các cấp hiện nay và cả các đơn vị thuộc lĩnh vực KTNN khác.

Tóm lại, có thể thấy phương án này rất phức tạp và không có tính khả thi.

*** Cách thức 2:**

Theo cách thức này, Kho bạc Nhà nước (Bộ Tài chính) tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước từ báo cáo tài chính, báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị. Tuy nhiên, đối tượng gửi báo cáo tài chính, báo cáo cung cấp thông tin cho Tổng KTNN không phải là tất cả các đơn vị kế toán nhà nước mà chỉ bao gồm: các Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi NSNN; Cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước; Các đơn vị dự toán cấp 1. Các báo cáo tài chính của các đơn vị được tổng hợp theo từng cấp đơn vị dự toán, đảm bảo yêu cầu là từng đơn vị dự toán cấp I theo từng cấp ngân sách phải lập báo cáo tài chính theo mẫu biểu quy định. Báo cáo tài chính của đơn vị dự toán cấp 1 gửi Bộ Tài chính được xây dựng trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của đơn vị và các đơn vị trực thuộc. Các báo cáo tài chính của các đơn vị này sẽ là nguồn thông tin đầu vào để cung cấp cho Tổng KTNN, từ đó tổng hợp lên báo chung cho Chính phủ (hoặc chính quyền địa phương).

Với cách thức này, việc tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước đơn giản hơn nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin tài chính của tất cả các đơn vị kế toán nhà nước. Các đối tượng cung cấp thông tin khác nhau vẫn sử dụng hệ thống kế toán phù hợp cho từng loại hình đơn vị phục vụ yêu cầu quản lý. Các thông tin cung cấp cho Tổng KTNN được quy định theo các mẫu biểu quy định trong chế độ kế toán áp dụng cho từng loại hình đơn vị.

Sau khi thảo luận, phân tích và tiếp thu ý kiến của các chuyên gia, Bộ Tài chính lựa chọn cách thức 2 để xây dựng mô hình Tổng KTNN.

Việc xây dựng báo cáo tài chính nhà nước tác động đến các đối tượng kế toán nhà nước như sau:

1. Các đơn vị kế toán nhà nước

a) Về tổ chức bộ máy:

Tại các đơn vị KTNN, việc tổ chức bộ máy không có thay đổi lớn, tương đối ổn định. Bộ máy kế toán ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ hiện nay, được tổ chức để thực hiện việc cung cấp thông tin cho báo cáo tài chính nhà nước.

Các thông tin cung cấp gồm báo cáo tài chính và báo cáo bổ sung thông tin của đơn vị sẽ được quy định trong chế độ kế toán áp dụng cho từng loại hình đơn vị (trong đó, các đơn vị hành chính sự nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư thay thế Quyết định số 19/2006/QĐ ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, dự kiến áp dụng từ năm tài chính 2017). Tuy nhiên, đơn vị không phải thực hiện song song hai hệ thống kế toán mà trong chế độ kế toán chỉ bổ sung thêm một số nội dung thông tin để phục vụ cung cấp thông tin đầu vào cho Tổng KTNN.

Để thực hiện nội dung nêu trên, cùng với việc xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi các chế độ kế toán liên quan:

- Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, chế độ kế toán các quỹ tài chính, chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã, bổ sung các thông tin báo cáo cho Tổng KTNN;

- Chế độ kế toán thuế xuất, nhập khẩu, chế độ kế toán thuế nội địa (Hiện nay Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan đang chủ trì báo cáo Bộ);

- Các chế độ kế toán khác có liên quan để bổ sung các thông tin báo cáo cho Tổng KTNN.

Như vậy, các đơn vị kế toán nhà nước khác (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, các đơn vị dự toán cấp I, các quỹ tài chính, ...) không cần thay đổi, tổ chức thêm bộ máy kế toán hiện nay.

b) Về hệ thống thông tin:

Các đơn vị không cần phải thay đổi, xây dựng mới phần mềm kế toán hiện đang được áp dụng.

c) Về gửi thông tin báo cáo cho Kho bạc Nhà nước

Hiện nay, Bộ Tài chính đang tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính, xây dựng cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để tăng cường việc trao đổi thông tin với các đơn vị. Theo đó, các đơn vị có thể thực hiện gửi hồ sơ thanh toán, đăng ký tài khoản,... qua cổng thông tin điện tử.

Đối với việc gửi các báo cáo tài chính để lập báo cáo tài chính nhà nước, các đơn vị dự toán cấp 1 có trách nhiệm hợp nhất báo cáo của đơn vị mình và

các đơn vị trực thuộc để gửi Kho bạc Nhà nước.

Đối với hình thức gửi báo cáo tài chính để lập báo cáo tài chính nhà nước, đơn vị có thể lựa chọn hình thức gửi báo cáo cho KBNN qua cổng thông tin điện tử của Kho bạc. Khi đó, trường hợp đơn vị thực hiện ký số sẽ không phải gửi báo cáo trên giấy. Như vậy, việc các đơn vị gửi báo cáo cho KBNN là một nội dung trong các hoạt động của cổng thông tin điện tử, đồng thời giúp cho KBNN thu thập và xử lý thông tin báo cáo được nhanh chóng, chính xác.

Đối với các đơn vị địa phương, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, sẽ được áp dụng theo lộ trình phù hợp, đồng thời có các biện pháp hỗ trợ về các điều kiện khác để đảm bảo việc gửi báo cáo cho KBNN được thực hiện tốt.

2. Hệ thống KBNN

a) Về tổ chức bộ máy:

KBNN trung ương và KBNN các tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo tài chính nhà nước theo quy định của Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính, từ ngày 01/10/2015. Theo đó, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm:

- + Tiếp nhận thông tin báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán nhà nước theo quy định của pháp luật;

- + Tổ chức tổng hợp thông tin tài chính nhà nước về tình hình tài sản nhà nước; nguồn lực và nghĩa vụ của nhà nước; tình hình hoạt động, kết quả thu chi ngân sách nhà nước; vốn nhà nước tại các doanh nghiệp và các tài sản, nguồn lực, nghĩa vụ khác của Nhà nước;

- + Lập báo cáo tài chính nhà nước của Chính phủ và chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Để triển khai nhiệm vụ này, Vụ Kế toán Nhà nước (Kho bạc Nhà nước) đã được chuyển đổi thành Cục Kế toán Nhà nước từ ngày 01/10/2015, trong đó có Phòng Tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước. Như vậy, hiện nay, tại cơ quan KBNN trung ương, bộ phận thực hiện chức năng Tổng KTNN đã được thành lập và đi vào hoạt động.

Tại KBNN tỉnh, thành phố; KBNN quận, huyện, thành phố, thị xã về cơ bản không thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy của các đơn vị này. Phòng/bộ phận Kế toán Nhà nước sẽ được bổ sung nhiệm vụ thực hiện chức năng Tổng KTNN để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính nhà nước đầu tiên vào năm 2019.

Như vậy, đối với các đơn vị KBNN không yêu cầu bổ sung cán bộ mới so với tổng mức định biên KBNN đã được giao, tuy nhiên KBNN sẽ tổ chức bố trí, sắp xếp phù hợp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ mới được giao từ trung ương đến địa phương.

b) Về hệ thống thông tin:

KBNN cần xây dựng hệ thống thông tin để thực hiện quy trình tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước từ nguồn kinh phí hoạt động của ngành. Nội dung này phù hợp với việc tổ chức hệ thống thông tin tài chính Chính phủ (GFMIS). Hệ thống thông tin của Tổng kế toán nhà nước sẽ được kết nối với cổng thông tin điện tử và các hệ thống thông tin khác đảm bảo truyền, nhận dữ liệu được nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

3. Tại các cơ quan quản lý NSNN, quản lý vốn, tài sản, nợ của Nhà nước

a) Về tổ chức bộ máy:

Bộ máy tổ chức của đơn vị không có sự thay đổi.

b) Về chế độ kế toán

Các cơ quan này hiện vẫn đang thực hiện quản lý và cung cấp thông tin theo chức năng được giao, tuy nhiên, theo yêu cầu của Tổng KTNN, các thông tin về vốn, tài sản, nợ của nhà nước báo cáo cần được thu thập, tổng hợp đầy đủ và rõ ràng hơn. Ví dụ:

- Thông tin báo cáo về tài sản công:

Theo mục tiêu của báo cáo tài chính nhà nước, ngoài các thông tin về mặt giá trị của tài sản đang được quản lý, sử dụng tại các đơn vị hiện nay, còn phải trình bày các thông tin về tài sản công ích do Nhà nước đầu tư, hiện đang được sử dụng ngoài xã hội. Ví dụ: Cầu cống, đường xá thuộc lĩnh vực giao thông, các công trình kiến trúc thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao. Các thông tin này được tổng hợp cần đảm bảo nhất quán và phù hợp với Hệ thống thông tin quản lý tài sản của Cục Quản lý công sản hiện đang thực hiện.

Để bổ sung thêm đầy đủ thông tin về tài sản công, Cục Quản lý công sản cần có phương án, yêu cầu, xây dựng các văn bản pháp lý, từ đó, Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán có căn cứ quy định trong các chế độ kế toán, đảm bảo theo dõi được đầy đủ tài sản nhà nước và các đơn vị có thể cung cấp thông tin đầu vào cho Tổng kế toán nhà nước.

- Thông tin về quản lý nợ

Các thông tin về nợ công là chỉ tiêu rất quan trọng trong các thông tin báo cáo tài chính nhà nước. Ngoài các thông tin về nợ trong nước hiện nay do KBNN đang theo dõi và phản ánh, cần bổ sung thêm các thông tin về nợ nước ngoài, vay về cho vay lại. Để thực hiện nội dung này, Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại cần cung cấp các thông tin báo cáo cho KBNN để tổng hợp báo cáo tài chính nhà nước.

c) Về gửi thông tin báo cáo cho Kho bạc Nhà nước

Tương tự như các đơn vị kế toán nhà nước, cơ quan quản lý NSNN, quản lý vốn, tài sản, nợ của Nhà nước có thể lựa chọn hình thức gửi báo cáo cho KBNN qua cổng thông tin điện tử của Kho bạc. Khi đó, trường hợp đơn vị thực hiện ký số sẽ không phải gửi báo cáo trên giấy. Như vậy, việc các đơn vị gửi báo

cáo cho KBNN là một nội dung trong các hoạt động của công thông tin điện tử, đồng thời giúp cho KBNN thu thập và xử lý thông tin báo cáo được nhanh chóng, chính xác.

III. CÔNG BỐ VIỆC LẤY Ý KIẾN

Bộ Tài chính đã đăng tải dự thảo Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước báo cáo đánh giá tác động để lấy ý kiến tham gia trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính từ ngày đến nay. Trong thời gian đăng tải, Bộ Tài chính không nhận được ý kiến tham gia của các cá nhân, tổ chức trên trang điện tử.

IV. KẾT LUẬN CHUNG

Sau khi so sánh tác động, ảnh hưởng của các giải pháp khác nhau, Bộ Tài chính thấy rằng nếu chọn lựa các giải pháp có lợi nhất thì cần lựa chọn các phương án sau đây:

(1) Cần thiết phải ban hành Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước, đồng bộ cùng với các văn bản hướng dẫn Luật kế toán 2015 khác, để hình thành khuôn khổ pháp lý cho việc lập báo cáo TCNN theo đúng quy định của Luật Kế toán 2015.

(2) Nghị định cần quy định rõ một số nội dung như: Phạm vi, đối tượng áp dụng của báo cáo Tài chính; trách nhiệm của các đơn vị trong việc cung cấp thông tin để lập báo cáo TCNN; trách nhiệm của đơn vị chịu trách nhiệm lập báo cáo TCNN; và các vấn đề khác liên quan đến việc tổng hợp số liệu, lập báo cáo TCNN tỉnh và báo cáo TCNN toàn quốc.

(3) Đối với một số quy định chi tiết, không ảnh hưởng đến các đơn vị bên ngoài ngành Tài chính (như Quy trình tổng hợp, lập báo cáo TCNN tại KBNN; hướng dẫn chi tiết các chỉ tiêu trên báo cáo TCNN), Nghị định cần giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cụ thể.

Với những phân tích tác động trên đây, có thể nói Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước có tác động không lớn đến tổ chức bộ máy, hệ thống thông tin của các đơn vị là đối tượng cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước, tuy nhiên, các thông tin tài chính cung cấp cần theo dõi chi tiết, đầy đủ và hệ thống hơn để đáp ứng được yêu cầu quản lý. Riêng đối với KBNN (Bộ Tài chính), đơn vị trực tiếp xây dựng báo cáo tài chính nhà nước, đã có các chuẩn bị nhất định đối về tổ chức bộ máy cũng như sẽ phải xây dựng hệ thống thông tin để tiếp nhận báo cáo của các đơn vị, tổng hợp và xây dựng báo cáo tài chính nhà nước./.

BỘ TRƯỞNG

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT

Về nội dung dự thảo Nghị định về Báo cáo tài chính nhà nước

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Căn cứ chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016, theo quy định tại Điều 30 Luật kế toán 2015, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN). Bộ Tài chính xin báo cáo những nội dung chính của dự thảo Nghị định như sau:

I. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

Dự thảo Nghị định gồm 5 Chương và 24 Điều, cụ thể như sau:

Chương I- Quy định chung, gồm 5 điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích thuật ngữ, mục đích và yêu cầu của báo cáo tài chính nhà nước, danh mục báo cáo tài chính nhà nước.

Chương II- Nội dung báo cáo tài chính nhà nước, gồm 4 điều quy định về nội dung báo cáo tình hình tài chính nhà nước, báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước.

Chương III- Lập, công khai báo cáo tài chính nhà nước, gồm 7 điều quy định về thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước, quy trình lập và gửi báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, quy trình lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, quy trình lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc, kỳ lập báo cáo tài chính nhà nước, công khai báo cáo tài chính nhà nước, lưu trữ báo cáo tài chính nhà nước.

Chương IV- Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị trong việc lập báo cáo tài chính nhà nước, gồm 6 điều quy định về, trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước, trách nhiệm cung cấp thông tin để lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, trách nhiệm cung cấp thông tin để lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước tỉnh, trách nhiệm cung cấp thông tin để lập và gửi báo cáo tài chính nhà nước

toàn quốc, kiểm tra việc lập báo cáo tài chính nhà nước, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin tài chính nhà nước.

Chương V- Điều khoản thi hành, gồm 2 điều quy định hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Chương I: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5)

Nội dung chương này quy định các nội dung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích thuật ngữ, mục đích yêu cầu của BCTCNN và danh mục BCTCNN.

1.1. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định (Điều 1):

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành toàn bộ các quy định của Luật Kế toán 2015 liên quan đến BCTCNN, có tham chiếu để phù hợp với các quy định pháp luật khác.

1.2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2):

Nội dung của báo cáo tài chính nhà nước bao gồm các thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương, bao gồm: tài sản nhà nước; nợ công và các khoản phải trả khác của Nhà nước; nguồn vốn của Nhà nước; tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước; tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước. Vì vậy, đối tượng áp dụng của Nghị định là đơn vị lập báo cáo, các đơn vị cung cấp thông tin để lập báo cáo và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Cụ thể như sau:

- Các đơn vị có nhiệm vụ lập báo cáo tài chính nhà nước, bao gồm: Kho bạc nhà nước và Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là tỉnh).

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước: Cơ quan quản lý, thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước các cấp; Cơ quan quản lý tài sản, nguồn vốn của Nhà nước các cấp; Cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước; Cơ quan, tổ chức quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước; Đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Về giải thích từ ngữ (Điều 3):

Dự thảo Nghị định giải thích khái niệm về một số thuật ngữ chủ yếu được sử dụng trong các quy định về BCTCNN, như: Báo cáo tài chính hợp nhất; Báo cáo thông tin tài chính; Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện.

1.4. Mục đích, yêu cầu của báo cáo tài chính nhà nước (Điều 4)

Tại Điều này, dự thảo Nghị định đưa ra các mục đích và yêu cầu cơ bản của BCTCNN, theo đó, thông tin do các đơn vị cung cấp phải đảm bảo đáp ứng để đạt được những mục đích và yêu cầu này.

1.5. Về danh mục báo cáo tài chính nhà nước (Điều 5)

Theo quy định của Luật Kế toán 2015, việc lập BCTCNN được thực hiện trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương và bao gồm 4 báo cáo: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước. Quy định này cũng phù hợp với chuẩn mực kế toán công quốc tế và kinh nghiệm của một số nước. Căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam, dự thảo Nghị định quy định danh mục các BCTCNN áp dụng cho phạm vi toàn quốc và danh mục các BCTCNN áp dụng cho phạm vi tỉnh. Các mẫu biểu này có tên gọi giống nhau, chỉ khác nhau về chủ thể lập báo cáo (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị định).

2. Chương II - Nội dung Báo cáo tài chính nhà nước (Từ Điều 6 đến Điều 9)

Dự thảo quy định các nội dung cơ bản của các báo cáo trong danh mục BCTCNN nêu tại Điều 5. Do tính phức tạp của các chỉ tiêu báo cáo, cần có các quy định cụ thể hơn để nêu rõ ý nghĩa, mục đích và nguồn số liệu của từng chỉ tiêu báo cáo. Dự thảo Nghị định giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung chi tiết của từng biểu mẫu BCTCNN.

3. Chương III – Lập, công khai Báo cáo tài chính nhà nước (Từ Điều 10 đến Điều 16)

3.1. Thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước (Điều 10)

Theo quy định của Luật Kế toán 2015, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước có trách nhiệm lập báo cáo của đơn vị mình và cung cấp thông tin tài chính cần thiết phục vụ việc lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương. Dự thảo Nghị định quy định thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước là thông tin trên các báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước quy định tại

khoản 2, Điều 2 của Nghị định.

3.2. Quy trình lập, gửi Báo cáo tài chính nhà nước (từ Điều 11 đến Điều 13)

Dự thảo Nghị định quy định quy trình lập và gửi báo cáo từ khâu tiếp nhận các báo cáo đầu vào, tổng hợp, lập và gửi BCTCNN theo từng cấp đơn vị lập BCTCNN. Về quy trình chi tiết, dự thảo Nghị định giao Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn.

3.3 Kỳ lập Báo cáo tài chính nhà nước (Điều 14)

BCTCNN toàn quốc và BCTCNN tỉnh được lập theo kỳ kế toán năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm dương lịch.

3.4. Công khai Báo cáo tài chính nhà nước (Điều 15)

Việc công khai thông tin tài chính là rất quan trọng, theo kinh nghiệm các nước hiện nay, toàn bộ thông tin trên báo cáo tài chính Chính phủ được công khai trên các ấn phẩm và mạng internet. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế của Việt Nam hiện nay mới đang bắt đầu triển khai thực hiện lập báo cáo tài chính nhà nước, việc công khai toàn bộ thông tin trên báo cáo có thể chưa phù hợp. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định theo hướng công khai các thông tin chủ yếu trong báo cáo tài chính nhà nước liên quan đến tài sản, công nợ, nguồn vốn, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Nhà nước.

3.5. Lưu trữ Báo cáo tài chính nhà nước (Điều 16)

Dự thảo Nghị định quy định BCTCNN được lưu trữ vĩnh viễn. Hình thức lưu trữ có thể thực hiện dưới dạng báo cáo giấy hoặc dữ liệu điện tử đối với từng loại BCTCNN theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Giao KBNN tổ chức bảo quản, lưu trữ BCTCNN theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Chương IV – Trách nhiệm của các đơn vị trong việc lập Báo cáo tài chính nhà nước (Từ Điều 17 đến Điều 22)

4.1. Trách nhiệm lập BCTCNN (Điều 17)

Căn cứ quy định của Luật Kế toán 2015, dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm lập và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và toàn quốc.

4.2. Trách nhiệm cung cấp thông tin để lập Báo cáo tài chính nhà nước (Điều 18, 19, 20)

Việc tổng hợp BCTCNN được đầy đủ, kịp thời và phù hợp phụ thuộc rất nhiều vào việc cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị thuộc các lĩnh vực khác nhau thuộc các cấp ngân sách. Căn cứ quy định của Luật Kế toán 2015, để nâng cao trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, đảm bảo cho KBNN có đầy đủ thông tin lập BCTCNN theo yêu cầu, dự thảo Nghị định quy định về thông tin để lập BCTCNN, quy định cụ thể về các loại báo cáo phải cung cấp, thời hạn lập và cung cấp các báo cáo của từng cơ quan, đơn vị tại từng cấp ngân sách.

4.3. Kiểm tra việc lập BCTCNN (Điều 21)

Quy trình lập BCTCNN được thực hiện qua việc tổng hợp báo cáo tài chính, báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị dự toán cấp 1 và các đơn vị quản lý, thu chi ngân sách và các đơn vị quản lý, tài sản, nguồn vốn của Nhà nước. Theo đó, công tác kế toán để lập báo cáo tài chính và báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị dự toán cấp 1 đã được kiểm tra kế toán theo quy định của Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Kế toán. Vì vậy, trong phạm vi của Nghị định này, dự thảo quy định Bộ Tài chính kiểm tra việc lập báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc và báo cáo tài chính nhà nước tỉnh và kiểm tra việc cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước.

4.4. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin tài chính nhà nước (Điều 22)

Để có thể tổng hợp, lập được BCTCNN, cần phải xây dựng hệ thống thông tin để lưu trữ, phân tích và xử lý thông tin báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị kế toán là đơn vị dự toán cấp 1, các đơn vị cung cấp thông tin khác gửi về. Trong đó các dữ liệu được mã hóa và phân loại, xử lý, lưu giữ theo nhiều chiều, nhiều kỳ, nhiều địa bàn để có thể chiết xuất dưới các hình thức biểu mẫu khác nhau.

Trong khuôn khổ kế hoạch triển khai, Bộ Tài chính dự kiến giao cho KBNN xây dựng hệ thống thông tin để tiếp nhận thông tin đầu vào, và xử lý theo quy trình để tổng hợp thông tin báo cáo. Hệ thống thông tin này sẽ được xây dựng đồng bộ với các ứng dụng khác của ngành tài chính, đảm bảo quản lý, vận hành đồng bộ cơ sở dữ liệu của ngành tài chính.

Từ thực tế nêu trên, dự thảo Nghị định quy định theo hướng: “Kho bạc Nhà nước tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống thông tin báo cáo tài chính nhà nước, đảm bảo tiếp nhận, xử lý tổng hợp thông tin, lập báo cáo và cung cấp thông tin tài chính nhà nước theo quy định của Nghị định này, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và phù hợp với các ứng dụng thông tin tài chính khác”.

5. Chương V - Điều khoản thi hành (Điều 23 và Điều 24)

Tại chương này, Dự thảo Nghị định quy định các nội dung về thời hạn, trách nhiệm tổ chức thực hiện, trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định. Đồng thời, quy định báo cáo tài chính năm đầu tiên được lập theo số liệu tài chính của năm 2018, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 73 Luật Kế toán 2015.

Trên đây là các nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định về báo cáo Tài chính nhà nước. Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ./.

BỘ TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ VIỆC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày / /2016 của BTC)

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế tại các nước đã thực hiện thành công báo cáo tài chính chính phủ (như Cộng hòa Pháp, Canada, Nam Phi, Hàn Quốc, Cộng hòa Séc), có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

1. Về khuôn khổ pháp lý

Các nước đều có quy định luật pháp ở mức cao nhất, giao trách nhiệm lập báo cáo Chính phủ hoặc chính quyền địa phương, trong đó hầu hết các nước phát triển đều có Luật tài chính công chi phối các hoạt động này. Ngoài ra, các nội dung hướng dẫn chi tiết được Chính phủ hoặc Bộ Tài chính (Ngân khố) quy định cụ thể. Có thể đánh giá, các vấn đề liên quan đến nội dung báo cáo tài chính Chính phủ, việc tổ chức thực hiện lập, công khai báo cáo tài chính Chính phủ, trách nhiệm cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính Chính phủ đều được quy định tại Luật hoặc các văn bản của Chính phủ. Thực tế hiện nay ở Việt Nam không có Luật Tài chính công, thay vào đó, Luật Kế toán cũng đã quy định các yêu cầu, nguyên tắc cơ bản về việc lập báo cáo tài chính nhà nước. Để hướng dẫn Luật Kế toán, cần có các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Tài chính.

2. Về phạm vi lập báo cáo

Có sự khác biệt là tại các nước này ngân sách độc lập nên các báo cáo được lập riêng cho chính quyền liên bang và từng địa phương, không lồng ghép thông tin của toàn bộ quốc gia. Theo đó các nước lập báo cáo của Chính phủ riêng, báo cáo của các địa phương riêng. Ở Việt Nam, để đảm bảo phù hợp thông tin ngân sách và thông tin tài chính, phạm vi lập báo cáo có thể áp dụng cho toàn quốc (báo cáo tài chính nhà nước toàn quốc) và phạm vi tỉnh, thành phố (báo cáo tài chính nhà nước tỉnh).

3. Về đối tượng thông tin

Ở các nước, các đối tượng thông tin đưa vào báo cáo Chính phủ được thực hiện theo lộ trình nhất định, từng bước dần dần mở rộng thông tin của các đơn vị khác nhau khi có điều kiện phù hợp, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Ở Việt Nam các đối tượng kế toán trong lĩnh vực công khá phức tạp, đa dạng và phong phú. Vì vậy, cũng cần xác định thứ tự ưu tiên các đối tượng này để đưa vào báo cáo tài chính nhà nước, cần được phân tích đảm bảo hiệu quả và có tính khả thi nhất.

4. Về biểu mẫu báo cáo

Các biểu mẫu báo cáo các nước về cơ bản tuân thủ theo chuẩn mực kế toán công quốc tế. Tuy nhiên, biểu mẫu báo cáo các nước không được trình bày hoàn toàn giống nhau, phụ thuộc vào đặc điểm và điều kiện của từng quốc gia. Về cơ bản, các báo cáo tài chính Chính phủ phản ánh: tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn, quỹ, thu nhập, chi phí và thông tin về dòng tiền. Một số nước cũng chưa lập ngay báo cáo lưu chuyển tiền tệ (do tính chất phức tạp của báo cáo này), mà thực hiện theo lộ trình chậm hơn. Các biểu mẫu báo cáo tài chính nhà nước của Việt Nam cần tuân thủ chuẩn mực kế toán công, nhưng cũng cần tính đến những đặc điểm và đặc thù của Việt Nam.

5. Về trách nhiệm cung cấp thông tin

Đặc điểm chung cần lưu ý của các nước là việc ghi chép ban đầu đều được thực hiện tại các đơn vị kế toán, đơn vị chi tiêu công. Các báo cáo do đơn vị lập bao gồm cả báo cáo chi tiêu ngân sách và báo cáo tài chính, gửi cho đơn vị tổng hợp để hợp nhất thành báo cáo Chính phủ. Hình thức gửi báo cáo có thể qua các file báo cáo, qua cổng thông tin điện tử hoặc giao diện trực tiếp. Việc tuân thủ quy định về cung cấp thông tin cơ bản được nghiêm túc thực hiện. Theo kinh nghiệm các nước, để lập báo cáo tài chính nhà nước, cần bổ sung quy định để các đơn vị sử dụng ngân sách cung cấp thêm báo cáo tài chính.

6. Về tổ chức bộ máy

Tại các nước, do các cấp chính quyền có tính độc lập về ngân sách nên bộ máy làm kế toán được tách bạch riêng ở cấp Chính phủ (Liên bang), cấp khu vực, tỉnh, xã. Một số nước có thể không tổ chức mô hình các đơn vị Kho bạc rõ rệt, nhưng các chức năng liên quan đều được giao cho các cơ quan đơn vị khác nhau. Ở Việt Nam, bộ máy kế toán lập báo cáo tài chính nhà nước có thể được bố trí tại các bộ phận kế toán nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước tại Trung ương, tỉnh, huyện.

7. Về quy trình hợp nhất

Đa số các nước (trừ Pháp và Cộng hòa Séc), báo cáo tài chính của các đơn vị được lập và nộp tuân tự cho đơn vị cấp trên và ở cấp cao nhất có bộ phận tổng hợp chung để lập báo cáo hợp nhất và cung cấp các báo cáo theo phân cấp. Đơn vị tổng hợp thực hiện tiếp nhận, kiểm tra phân loại và xử lý thông tin để thực hiện các bước hợp nhất thông tin tài chính chính phủ. Đây là kinh nghiệm có thể áp dụng cho Việt Nam, do mô hình tổ chức các đơn vị dự toán ở Việt Nam khá đa dạng, có rất nhiều đơn vị làm kế toán.

8. Về hệ thống thông tin

Các nước đều xây dựng và vận hành hệ thống thông tin để lập báo cáo. Một

số phần mềm có tính năng rất ưu việt cho việc loại trừ các giao dịch nội bộ, hỗ trợ hiệu quả cho việc lập và phân tích báo cáo tài chính. Do các đối tượng thông tin báo cáo của Việt Nam rất lớn nên cũng cần phải xây dựng hệ thống thông tin để hỗ trợ. Hệ thống thông tin này có thể giao diện, trao đổi với các hệ thống khác trong hệ thống thông tin tài chính Chính phủ.

Tóm lại, báo cáo tài chính Chính phủ đang được đa số các nước phát triển và đang phát triển thực hiện do hiệu quả thông tin mà nó cung cấp. Tuy cách thức triển khai khá đa dạng, nhưng nhìn chung mỗi quốc gia đều lựa chọn cho mình một phương án khả thi với lộ trình phù hợp. Trong quá trình triển khai lập báo cáo tài chính nhà nước của Việt Nam, có thể lựa chọn có chọn lọc kinh nghiệm của tất cả các nước, đảm bảo việc tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả. Một trong các nội dung quan trọng là xây dựng khung pháp lý về báo cáo tài chính nhà nước, trong đó có Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước.

